

Số: 595 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ kết quả triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP giai đoạn 2017-2020 tại Quyết định số 316/QĐ-VIMICO của Hội đồng quản trị phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP giai đoạn 2017-2020.

Nhằm kiện toàn cơ cấu tổ chức, đảm bảo số đầu mối các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu Công ty mẹ và số đầu mối các công ty con trong toàn Tổng công ty tập trung hóa theo địa bàn và theo ngành nghề, từ đó tăng cường tính hiệu quả trong điều hành quản lý của Tổng công ty, tiếp tục cải thiện tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng Giám đốc Tổng công ty đã xây dựng Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung xây dựng phương án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 ở 02 nội dung chính là (1) Tái cơ cấu mô hình tổ chức và (2) Tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty năm 2021 xem xét thông qua.

*(Nội dung chi tiết Đề án và các Phụ lục kèm theo).*

Trân trọng! *LM*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, TCLĐ.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

*(Chữ ký và dấu)*  
**Nguyễn Văn Hải**



*Hà Nội, ngày .... tháng 3 năm 2021*

**ĐỀ ÁN**  
**TÁI CƠ CẤU TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV**  
**GIẢI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030**

**CHƯƠNG I:**  
**ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG CÔNG TY**  
**SAU THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU GIẢI ĐOẠN 2017-2020**

**A. Giới thiệu chung về Tổng công ty**

**I. Thông tin chung**

- Tên đầy đủ: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Minerals Holding Corporation
- Tên rút gọn: Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- Tên viết tắt: VIMICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 06/10/2015.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Số điện thoại: 04 6287 6666
- Số Fax: 04 6288 3333
- Website: www.vimico.vn
- Mã cổ phiếu: KSV

**II. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực hoạt động, sản phẩm chính và địa bàn sản xuất kinh doanh**

**1. Mục tiêu hoạt động**

Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Tổng Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Tổng Công ty ngày càng lớn mạnh.

**2. Lĩnh vực kinh doanh chính**

- + Thăm dò, khai thác, chế biến (tuyển luyện), gia công khoáng sản kim loại màu, kim loại đen, khoáng sản phi kim loại.
- + Kinh doanh nguyên vật liệu và sản phẩm hàng hóa ngành khai khoáng, luyện kim.
- + Gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ.



+ Gia công chế tạo, sản xuất sản phẩm từ đồng, gang thép, kẽm để nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa.

### **3. Các sản phẩm chính**

#### *a. Sản phẩm do Công ty mẹ sản xuất:*

- ✓ Tinh quặng đồng 25% Cu
- ✓ Đồng tấm 99,90-99,99% Cu
- ✓ Tinh quặng sắt 60-65% Fe
- ✓ Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>
- ✓ Vàng kim loại 99,90-99,99% Au
- ✓ Bạc kim loại 99,90-99,99% Ag

#### *b. Sản phẩm do Công ty con sản xuất:*

- ✓ Kẽm thỏi 99,90-99,95% Zn
- ✓ Thiếc thỏi 99,75% Sn
- ✓ Phôi thép CT5, Q235, SD 295
- ✓ Tinh quặng sắt 60-65% Fe
- ✓ Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>

### **4. Địa bàn hoạt động**

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại Thành phố Hà Nội, các hoạt động SXKD thực hiện trên địa bàn cả nước và nước ngoài. Trong đó, hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản được thực hiện chủ yếu tại các tỉnh: Lào Cai, Lai Châu, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng,...

### **III. Quá trình hình thành và phát triển**

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (tiền thân là Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam) là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1118/QĐ/TCCBDT ngày 27/10/1995 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).

Theo Quyết định số 345/2005/QĐ-TT ngày 26/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển thành công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 27/04/2006, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 12/2006/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 0106000168, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 03/05/2007.

Theo Quyết định số 2449/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam được đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Theo Quyết định số 3169/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công Thương, Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV và đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản -



Vinacomin, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103087, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 21/08/2012.

Thực hiện Quyết định số 2388/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Phương án CPH Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quyết định số 7850/QĐ-BCT ngày 30/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương v/v điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Tổng công ty đã tiến hành CPH và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 06/10/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 06/10/2015.

Ngày 28/12/2015 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán tại Công văn số 8010/UBCK-QLPH. Ngày 09/3/2016 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 16/2016/GCNCP-VSD cho Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Ngày 21/7/2016 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 440/QĐ-SGDHN V/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV trên sàn Upcom với mã chứng khoán KSV, số lượng đăng ký là 200.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000đ/cổ phiếu; tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.000 tỷ đồng.

Ngày 28/7/2016 tại HNX cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã chính thức giao dịch trên sàn Upcom.

Từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty đã nhiều lần thực hiện tái cơ cấu. Giai đoạn 2017-2020 Tổng công ty thực hiện Đề án tái theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 02/4/2018, kết quả thực hiện chi tiết được đánh giá ở phần sau.

#### **IV. Cơ chế hoạt động kinh doanh**

Hiện nay, VIMICO là Công ty cổ phần được tổ chức sản xuất theo mô hình Công ty mẹ - công ty con, trong đó khâu sản xuất được thực hiện chủ yếu theo cơ chế khoán chi phí, tiêu thụ sản phẩm tập trung. Các công ty con tham gia cơ chế phối hợp kinh doanh với Tổng công ty trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm. Ngoại trừ sản phẩm phôi thép được tiêu thụ tập trung qua Công ty mẹ - Tổng công ty thì các sản phẩm còn lại do các đơn vị tự cân đối chi phí trên cơ sở giá thị trường để điều hành và trực tiếp tiêu thụ. Tổng công ty thực hiện kiểm soát thông qua Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

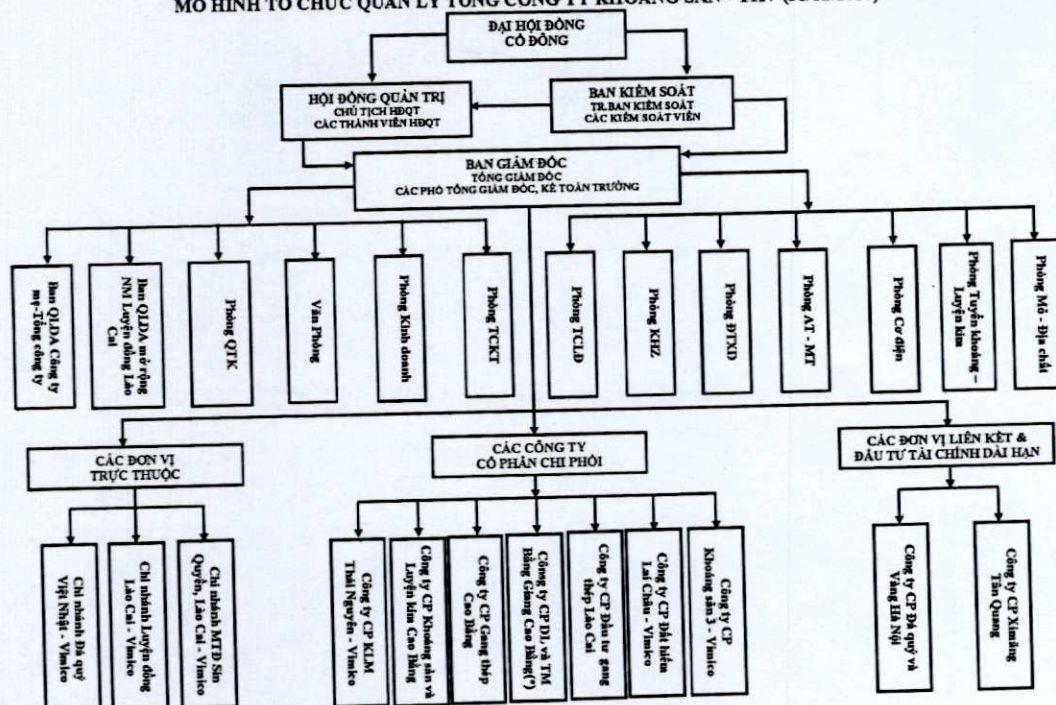
Tổng công ty hướng dẫn, hỗ trợ các công ty con thực hiện các chính sách về an sinh xã hội cho người lao động, tạo điều kiện về nguồn vốn sản xuất, kinh nghiệm quản lý, hỗ trợ về quan hệ khi làm việc với các Bộ, Ban ngành của Nhà nước và địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động sản xuất.



## V. Cơ cấu tổ chức Tổng công ty

Mô hình tổ chức quản lý Tổng công ty Khoáng sản – TKV:

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV (31/12/2020)



### 1. Công ty mẹ - Tổng công ty

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm 1.472 cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần tương đương 2.000 tỷ đồng bằng 100% vốn điều lệ.

- Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch và 04 thành viên. Trong số 04 thành viên, có 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 02 thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc.

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó có 01 Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, 02 thành viên kiêm nhiệm.

- Bộ máy quản lý, điều hành gồm Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và 13 phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ, có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc. Số lượng CBCNV bộ máy quản lý, điều hành là 128 người (đến hết tháng 31/12/2020).

### 2. Các đơn vị trực thuộc

Tổng công ty có 03 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty là các chi nhánh của Tổng công ty. Bao gồm:

- Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico
- Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico
- Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico.

### 3. Các Công ty con cổ phần chi phối

Tổng công ty có 07 Công ty con cổ phần chi phối. Cơ cấu tổ chức quản lý gồm: (i) Đại hội đồng cổ đông (ii) Hội đồng quản trị, (iii) Ban kiểm soát và bộ máy điều hành.

- CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- CTCP Gang thép Cao Bằng



- CTCP Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng
- CTCP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico
- CTCP Khoáng sản 3 - Vimico
- CTCP Đất hiếm Lai Châu - Vimico
- CTCP Đầu tư gang thép Lào Cai - Vimico

#### 4. Các đơn vị liên kết và đầu tư tài chính dài hạn

Tổng công ty tham gia góp vốn tại 02 công ty cổ phần trong nước với vốn góp dưới mức chi phối. Tổng công ty cử cán bộ đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các đơn vị này, tham gia HĐQT, Ban kiểm soát của các công ty cổ phần liên kết.

- CTCP Đá quý và Vàng Hà Nội
- CTCP xi măng Tân Quang - VVMI

### B. Kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu và tình hình hoạt động SXKD giai đoạn 2017-2020

Kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020 Tổng công ty đã báo cáo chi tiết TKV tại văn bản số 2913/VIMICO-TCLĐ ngày 18/12/2020. Trong báo cáo đã đánh giá khá chi tiết các mặt làm được, chưa làm được và phân tích các nguyên nhân tồn tại. Nhìn chung về cơ bản, giai đoạn này đã thực hiện các mục tiêu phù hợp với điều kiện thực tế. Hiệu quả sản xuất kinh doanh, mô hình quản trị, cơ chế quản lý,... ngày càng phù hợp hơn. Các kết quả chủ yếu đạt được như sau:

#### 1. Doanh thu hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	DK Năm 2020	Tổng cộng
1	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	5.404.903	5.688.476	6.145.240	6.163.121	23.401.740
2	Doanh thu tài chính	53.346	7.237	42.495	45.604	148.682
3	Thu nhập khác	19.604	6.653	14.981	10.223	51.461
	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>5.477.853</b>	<b>5.702.366</b>	<b>6.202.716</b>	<b>6.218.948</b>	<b>23.601.883</b>

#### 2. Cơ cấu chi phí hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Cơ cấu chi phí	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
1	Giá vốn hàng bán	4.587.387	4.868.098	5.528.430	5.187.752	20.171.667
2	Chi phí tài chính	195.284	223.163	265.698	227.747	911.892
3	Chi phí bán hàng	48.404	48.668	82.587	62.017	241.676
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	310.707	329.966	295.856	409.625	1.346.154
5	Chi phí khác	23.750	6.992	14.634	11.692	57.068
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>5.165.532</b>	<b>5.476.808</b>	<b>6.187.205</b>	<b>5.898.833</b>	<b>22.728.457</b>



### 3. Một số chỉ tiêu kết quả SXKD hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng 2017-2020
1	Tổng giá trị tài sản	7.001.294	7.930.931	7.760.501	8.345.083	
2	Vốn Chủ sở hữu	2.611.122	2.570.836	2.386.044	2.515.564	
3	Doanh thu thuần	5.404.903	5.688.476	6.145.240	6.163.121	23.401.740
4	Lợi nhuận gộp	817.516	820.458	616.810	975.369	3.230.153
5	Lợi nhuận thuần từ SXKD	316.467	225.898	15.164	321.584	879.113
6	Lợi nhuận khác	4.146	339	346	(1.468)	3.363
7	Lợi nhuận trước thuế	312.322	225.550	15.511	320.116	873.499
8	Lợi nhuận sau thuế	240.998	174.326	(43.023)	271.692	643.993

### 4. Đánh giá một số chỉ tiêu SXKD giai đoạn 2017-2020 so với giai đoạn 2012-2016

So với giai đoạn 2012-2016 kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty như sau:

- Vốn chủ sở hữu năm 2020 là 2.515 tỷ đồng bằng 103% so với năm 2016.
- Tổng tài sản năm 2020 là 8.345 tỷ đồng bằng 128 % so với năm 2016.
- Tổng doanh thu giai đoạn 2017-2020: 23.601,886 tỷ đồng, tăng 1,3 lần so với giai đoạn 2012-2016.
- Lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2017-2020: 873,5 tỷ đồng, tăng 2,61 lần so với giai đoạn 2012-2016. Trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty: 346,65 tỷ đồng, tăng 1,93 lần so với giai đoạn 2012-2016.
- Nộp ngân sách: 3.251 tỷ đồng, bằng 105,2% so với giai đoạn 2012-2016.
- Lao động sử dụng bình quân giai đoạn 2017-2020: 4.496 người, bằng 82,39% so với giai đoạn 2012-2016. Lao động giảm do trong giai đoạn 2017-2020, Tổng công ty thực hiện rà soát, tái cơ cấu lao động theo hướng tinh giản lao động, nâng cao năng suất, chất lượng lao động theo chỉ đạo của TKV.
- Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2017-2020: 8,832 triệu đồng/người/tháng, đạt 141,13% so với giai đoạn 2012-2016.

#### C. Các nguồn lực chủ yếu hiện có đến 31/12/2020

##### 1. Hiện trạng vốn và tài sản (đến 31/12/2020)

- Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng).
- + Vốn chủ sở hữu: 2.528.258.591.300 đ
- + Vốn khác (vay, nợ phải trả): 5.816.824.258.696 đ

##### \* Tài sản tại thời điểm 31/12/2020:

- Tài sản cố định hữu hình:



Số TT	Khoản mục	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị hao mòn (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.286.598.285.152	1.388.716.910.243	897.881.374.909
2	Máy móc, thiết bị	3.717.712.724.354	1.877.762.315.414	1.839.950.408.940
3	Phương tiện vận tải	727.934.732.571	529.342.107.081	198.592.625.490
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	43.750.127.705	41.625.736.304	2.124.391.401
5	Tài sản cố định khác	7.731.283.590	53.830.212	7.677.453.377
	<b>Cộng</b>	<b>6.783.727.153.372</b>	<b>3.837.500.899.255</b>	<b>2.946.226.254.17</b>

- Tài sản cố định vô hình:

STT	Khoản mục	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị hao mòn (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
1	Phần mềm máy tính	6.101.793.410	2.269.842.843	3.831.950.567
2	Quyền sử dụng đất	11.774.753.582	1.735.745.923	10.039.007.659
3	Bản quyền sáng chế			
4	Tài sản cố định khác	3.054.449.000	223.224.625	2.831.224.375
	<b>Cộng</b>	<b>20.930.995.992</b>	<b>4.228.813.391</b>	<b>16.702.182.601</b>

- Tài sản cố định thuê tài chính:

Số TT	Khoản mục	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị hao mòn (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc			
2	Máy móc, thiết bị	36.139.908.355	17.933.093.262	18.206.815.093
3	Phương tiện vận tải	108.229.780.000	46.163.667.272	62.086.112.278
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	586.000.000	435.918.912	150.081.088
5	Tài sản cố định khác			
	<b>Cộng</b>	<b>144.955.688.355</b>	<b>64.512.679.446</b>	<b>80.443.008.909</b>

## 2. Tài nguyên, khoáng sản (đến 31/12/2020)

- *Về đồng*: Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất 02 mỏ (đồng Sin Quyền + Vi kẽm) là: 520.600 tấn Cu kim loại, trong đó tổng trữ lượng toàn mỏ là: 404.595 tấn Cu kim loại, trữ lượng trong ranh giới cấp phép khai thác là: 176.272 tấn Cu kim loại.

- *Về kẽm + chì*: Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất các khu mỏ (Chợ Điền, Làng Hít, Cúc Đường) là: 498.932 tấn (Zn + Pb) kim loại, trong đó tổng trữ lượng toàn khu mỏ là: 244.351 tấn (Zn + Pb) kim loại, trữ lượng trong ranh giới cấp phép khai thác là 244.351 tấn (Zn + Pb) kim loại.

- *Sắt*: Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất các khu mỏ là: 41,312 triệu tấn quặng (không kể tinh quặng sắt mỏ đồng Sin Quyền), trong đó tổng trữ lượng là 36, 842 triệu tấn quặng và trữ lượng trong ranh giới cấp phép khai thác là: 22,474 triệu tấn quặng.

- *Thiếc*: Tổng trữ lượng, tài nguyên các khu mỏ là 4.748 tấn Sn, trong đó tổng trữ lượng là: 1.320 tấn Sn, trữ lượng trong ranh giới cấp phép khai thác là: 1.320 tấn Sn. (Chưa gồm khu mỏ Nậm Kép đã thăm dò đang lập dự án xin phép khai thác có tổng trữ lượng và tài nguyên là 3.485 tấn Sn, trong đó trữ lượng là 2.405 tấn Sn)

- *Về đất hiếm*: Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất của khu mỏ (trong và ngoài ranh giới cấp phép) là: Đất hiếm TR<sub>2</sub>O<sub>3</sub> là 3.863.492 tấn; Barit là



20.078.991 tấn; Fluorit là 11.196.734 tấn. Trong đó, tổng trữ lượng trong ranh giới cấp phép khai thác là: Đất hiếm  $\text{TR}_2\text{O}_3$  là 1.079.524; Barit là 4.211.248 tấn; Fluorit là 6.044.077 tấn.

(Chi tiết số liệu tại Phụ lục số 01 kèm theo)

### 3. Nguồn lực đất đai (đến 31/12/2020)

Đến thời điểm hiện tại, VIMICO đã và đang quản lý, sử dụng 4.147.145 m<sup>2</sup> đất, trải rộng trên nhiều tỉnh thành. Đồng thời cũng đang triển khai các thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 5.108.581 m<sup>2</sup> đất (phục vụ cho dự án Mở rộng nâng công suất khu mỏ - tuyến đồng Sin Quyền, Lào Cai và dự án Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai) và đến thời điểm hiện tại đã hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cho phần lớn diện tích đất trên và đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để ký hợp đồng thuê đất theo quy định.

Các Công ty con của Tổng công ty đang quản lý và sử dụng 4.589.027 m<sup>2</sup> đất làm văn phòng và cơ sở sản xuất.

(Hiện trạng nguồn lực đất đai tại Phụ lục 02 kèm theo).

### 4. Nguồn lực lao động:

Cơ cấu lao động toàn Tổng công ty (cả công ty mẹ và các công ty con) tính đến 31/12/2021 như sau:

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ lệ
<b>I. Phân theo trình độ lao động</b>	<b>4.167</b>	<b>100,00</b>
Trên đại học	52	1,25
Đại học	862	20,69
Cao đẳng	225	5,40
Công nhân kỹ thuật, trung cấp...	3.028	72,67
<b>II. Phân theo HĐ lao động</b>	<b>4.167</b>	<b>100,00</b>
Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	8	0,19
Hợp đồng không xác định thời hạn	3.349	80,37
Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	810	19,44
<b>III. Phân theo độ tuổi</b>	<b>4.167</b>	<b>100,00</b>
<31	774	18,58
Từ 31-45	2.882	69,16
Từ 46-55	475	11,40
>55	36	0,86
<b>IV. Phân theo giới tính</b>	<b>4.167</b>	<b>100,00</b>
Nam	3.243	77,83
Nữ	924	22,17

- Theo trình độ lao động: VIMICO có 1.139 lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên chiếm 27,33% trên tổng số 4.167 lao động. Trong số này, hầu hết đều



được đào tạo cơ bản từ các trường cao đẳng, đại học chính quy trong và ngoài nước với các chuyên ngành: Địa chất, khai thác mỏ, luyện kim, tuyển khoáng, máy thiết bị mỏ, cơ điện, kinh tế mỏ, tài chính kế toán, luật, quản trị kinh doanh, ... và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động khoáng sản tại các đơn vị thành viên của VIMICO.

Đội ngũ CNKT có trình độ trung cấp là 3.028 người chiếm 72,67% trên tổng số lao động đều là lao động có tay nghề, có kinh nghiệm lâu năm công tác trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản.

- *Theo hợp đồng lao động*: Đối tượng lao động không xác định thời hạn là 3.349 người chiếm 80,37%, lao động có thời hạn 1-3 năm là 810 chiếm 19,44%. Điều này thể hiện tính ổn định trong kết cấu lao động của VIMICO và sự gắn bó của người lao động với VIMICO.

- *Theo độ tuổi*: Lao động dưới 31 tuổi là 774 người chiếm 18,58%, lao động từ 31-45 là 2.882 người chiếm 69,16% trên tổng số 4.167 lao động, tỷ lệ lao động trong 02 độ tuổi này lớn (chiếm 69,16%) thể hiện nguồn lực lao động tương đối trẻ của VIMICO. Đối tượng lao động từ 31-45 chiếm 69,16% cho thấy đa số lao động của VIMICO đang ở vào giai đoạn có độ chín về kinh nghiệm và kỹ năng làm việc.

- *Theo giới tính*: Lao động nam là 3.243 người chiếm 77,83% chủ yếu tham gia sản xuất trong các công đoạn kỹ thuật có công nghệ phức tạp, môi trường làm việc độc hại, nặng nhọc. Lao động nữ là 924 người chiếm 22,17% chủ yếu làm việc trong môi trường văn phòng, các công việc phục vụ, phụ trợ có tính phức tạp, nặng nhọc không cao.



## **CHƯƠNG II:**

### **ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV**

#### **GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

#### **I. Sự cần thiết thực hiện tái cơ cấu**

1. Trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Tổng công ty cần có bước chuyển mình, phân tích và hợp lý hóa (cơ cấu lại) cơ cấu tổ chức, các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư cho phù hợp với mục tiêu chiến lược của Tổng công ty. Nếu không tái cơ cấu Tổng công ty sẽ có nguy cơ bị tụt hậu. Tái cơ cấu sẽ là một bước chuẩn bị tốt cho Tổng công ty trong quá trình hội nhập, phát triển.

2. Tái cơ cấu sẽ tăng cường tính hiệu quả trong điều hành quản lý của Tổng công ty, tập trung được các nguồn lực, từng bước cải thiện tình hình tài chính và kinh doanh của Tổng công ty theo chiều hướng tốt lên.

3. Tái cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty sẽ giúp Tổng công ty phát triển ổn định, bền vững trong điều kiện kinh tế quốc tế nhiều biến động như hiện nay.

#### **II. Nguyên tắc tái cơ cấu**

1. Đảm bảo mô hình tổ chức và các mối quan hệ trong Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty - Công ty con phù hợp với quy định của pháp luật, nhất là Luật Khoáng sản, Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Doanh nghiệp,...

2. Đảm bảo số đầu mối hợp lý, bao gồm số đầu mối các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu Công ty mẹ và số đầu mối các công ty con trong toàn Tổng công ty theo hướng tập trung hóa theo địa bàn và theo ngành nghề.

3. Đảm bảo Công ty mẹ Tổng công ty thực sự mạnh về tài chính và là chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản (chủ mỏ) như quy định trong Điều lệ để nắm quyền chi phối, chỉ huy điều hành thống nhất trong toàn Tổng công ty nhằm thực hiện được trách nhiệm Nhà nước giao "*đảm bảo một số cân đối lớn về sản phẩm khoáng sản và luyện kim của nền kinh tế*".

4. Việc tái cơ cấu, sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc, công ty con đảm bảo tính kế thừa, phát huy được những ưu điểm của mô hình tổ chức sản xuất trong các năm qua, phù hợp với mô hình tăng trưởng, cơ cấu, phạm vi và quy mô kinh doanh trong các năm tới; hạn chế đến mức thấp nhất việc phát sinh các vấn đề gây bất ổn an sinh xã hội và chi phí để thực hiện tái cơ cấu.

5. Công ty mẹ - Tổng công ty nắm giữ cổ phần chi phối hợp lý tại các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, có tài nguyên, trữ lượng khoáng sản quy mô lớn và có hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, sản phẩm có lợi thế, Tổng công ty có kinh nghiệm về quản trị.

6. Tái cơ cấu Tổng công ty phải đảm bảo tiếp tục giữ vững văn hóa doanh nghiệp; cần có sự thống nhất, đồng lòng từ trên xuống dưới, từ ban lãnh đạo tới từng bộ phận cán bộ, CNV và sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị trong Tổng công ty.

7. Trong quá trình thực hiện tái cơ cấu có thể gặp những vướng mắc, thiếu sót, hạn chế. Do vậy, yêu cầu luôn nghiên cứu, đánh giá để có sự thay đổi, điều chỉnh phù hợp phương án tái cơ cấu.



### **III. Quan điểm và mục tiêu**

#### **1. Quan điểm:**

- Thực hiện các chiến lược phát triển về khai thác và chế biến khoáng sản do TKV định hướng và giao nhiệm vụ.

- Phát triển Tổng công ty Khoáng sản - TKV thành Tổ hợp công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản có công nghệ hiện đại, thương hiệu mạnh ở trong nước và quốc tế.

- Phát triển ngành nghề chính là: khai thác, chế biến khoáng sản; các ngành phụ trợ, phát triển chuỗi sản phẩm với công nghệ hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Đầu tư tài chính vào các công ty con với tỷ lệ cổ phần ở mức phù hợp nhằm thực hiện quyền chi phối và thống nhất kế hoạch phối hợp kinh doanh, phát huy được truyền thống và lợi thế của mỗi đơn vị.

- Mỗi công ty con chỉ tập trung phát triển kinh doanh một hoặc hai loại khoáng sản chính trong tổ hợp dây chuyền đồng bộ khai thác, chế biến khoáng sản theo vùng/khu vực để tăng quy mô và chuyên môn hóa, nâng cao trình độ công nghệ theo hướng tiến tiến, hiện đại.

- Quan hệ kinh tế giữa TKV, Tổng công ty và các công ty con ngày càng chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau cùng phát triển bền vững thông qua các hợp đồng lâu dài, ổn định về sử dụng dịch vụ, mua bán sản phẩm, hàng hóa và nguyên vật liệu chủ yếu.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### **2.1. Ngành nghề kinh doanh chính**

+ Thăm dò, khai thác, chế biến (tuyển luyện), gia công khoáng sản kim loại màu, kim loại đen, khoáng sản phi kim loại.

+ Kinh doanh nguyên vật liệu và sản phẩm hàng hóa ngành khai khoáng, luyện kim.

+ Gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ.

+ Gia công chế tạo, sản xuất sản phẩm từ đồng, gang thép, kẽm để nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa.

##### **2.2. Vốn điều lệ và mô hình tổ chức**

- Vốn điều lệ: không tăng/giảm vốn điều lệ trong giai đoạn này, cơ cấu vốn điều lệ của Tổng công ty được thực hiện theo chỉ đạo của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và thực hiện niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty trên sàn giao dịch chứng khoán HNX theo quy định của pháp luật.

- Mô hình tổ chức: Tổng công ty hoạt động theo Điều lệ công ty cổ phần, theo cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát: Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát - Tổng giám đốc.

Tổng công ty đồng thời là công ty con của TKV và là Công ty mẹ của các Công ty con do Tổng công ty nắm giữ cổ phần chi phối. Tổng công ty chỉ có 2 cấp: công ty mẹ - Tổng công ty là đơn vị cấp 1; các công ty con, đơn vị trực thuộc là đơn vị cấp 2.



### **2.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu 2021-2025:**

#### **a) Sản lượng sản xuất và tiêu thụ:**

- Tinh quặng đồng 25%Cu: 382.443 tấn (năm 2021: 67.383 tấn; năm 2022- 74.077 tấn; năm 2023- 77.404 tấn; năm 2024 – 77.792 tấn; năm 2025- 85.787 tấn).

- Đồng tấm ka tốt 99,95% Cu: 145.000 tấn (Năm 2021: 25.000 tấn, các năm còn lại theo công suất tối đa: 30.000 tấn)

- Kẽm thời 99,95%Zn: 63.000 tấn (từ 2021 - 2024: 12.000 tấn/năm và dự kiến năm 2025 đạt 15.000 tấn kẽm/năm).

- Thiếc thời 99,75%Sn: 980 tấn (tận thu khu Tĩnh Túc và mỏ Nậm Kép; năm 2021: 130 tấn; năm 2022: 175 tấn; Năm 2023: 205 tấn; năm 2024 và 2025: 235 tấn/năm).

- Phôi thép: 1.100 ngàn tấn (Năm 2021-2025: mỗi năm 220.000 tấn).

- Vàng: 4.594kg (Năm 2021: 880 kg; năm 2022- 873 kg; năm 2023- 903 kg; năm 2024 – 913; năm 2025- 1.023 kg).

- Axit sunfuric: 630.790 tấn. Trong đó: Các NM Luyện đồng của Cty mẹ: 524.300 tấn.

- Tinh quặng đất hiếm  $\geq 30\%$ : 30.000 tấn (từ năm 2025);

- Tinh quặng Barit  $\geq 90\%$ : 67.500 tấn (từ năm 2025);

- Tinh quặng Fluorit  $\geq 80\%$ : 67.000 tấn (từ năm 2025).

- Gia công chế biến các sản phẩm cơ khí (bi nghiền các loại, các vật tư phụ tùng: Răng gầu, lưỡi ben, lưỡi góc, tấm lót tấm tấp, má đập hàm,...) tại Nhà máy gang thép Cao Bằng từ nguồn phôi thép để cung cấp cho thị trường nội bộ VIMICO với sản lượng 3.000 - 5.000 tấn/năm.

#### **b) Doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách:**

- Doanh thu: 5 năm 44.259 tỷ đồng, tăng 60% so với giai đoạn 2016 -2020. Mức tăng trưởng bình quân 8,83% năm. Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 44.159 tỷ đồng, tăng 67% so với giai đoạn 2016-2020; Doanh thu khác: 100 tỷ đồng, bằng 6,8% so với giai đoạn 2016-2020 (do Tổng công ty thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn tại Công ty CP Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Vimico trong năm 2021). (Năm 2021: 8.602 tỷ đồng; Năm 2022: 8.665 tỷ đồng; Năm 2023: 8.716 tỷ đồng; Năm 2024: 8.731 tỷ đồng; Năm 2025: 9.029 tỷ đồng).

- Lợi nhuận: Dự kiến lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Tcty giai đoạn 2021-2025 khoảng 1.347 tỷ đồng, tăng gấp 1,48 lần so với giai đoạn 2016-2020 và lợi nhuận sẽ tăng mạnh vào năm 2025. Trong đó: Lợi nhuận công ty mẹ Tổng công ty: 668 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách: 5.165 tỷ đồng

#### **c) Lao động và tiền lương**

Lao động sử dụng bình quân khoảng 5.092 người/năm, trong đó: Năm 2021: 4.938 người; Năm 2022: 5.160 người; Năm 2023: 5.160 người; Năm 2024: 5.100 người; Năm 2025: 5.100 người.

Tiền lương bình quân: 10,404 tr.đ/người/tháng; Trong đó: Năm 2021: 9,421 tr.đ/người/tháng; Năm 2022: 9,714 tr.đ/người/tháng; Năm 2023: 10,391 tr.đ/người/tháng; Năm 2024: 11,039 tr.đ/người/tháng; Năm 2025: 11,456 tr.đ/người/tháng.



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2021	2022	2023	2024	2025
Lao động bình quân	Người	4.938	5.160	5.160	5.100	5.100
Lao động công nghệ	Người	3.050	3.253	3.284	3.253	3.258
Lao động phụ trợ, PV	Người	1.175	1.187	1.161	1.132	1.127
Lao động quản lý	Người	713	720	715	715	715
Tiền lương bình quân	(1000đ/ng/th)	9.421	9.714	10.391	11.039	11.456
NSLĐ theo sản lượng tiêu thụ (quy đổi)	Tấn/ng/năm	11,10	11,61	11,68	11,77	12,02

#### **d) Đầu tư xây dựng cơ bản**

Tổng mức đầu tư 3.853,095 tỷ đồng, bằng 78% giá trị khối lượng so với giai đoạn 2016-2020. Trong đó tập trung vào một số dự án trọng điểm: Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai (giai đoạn I: 2 vạn tấn/năm) hoàn thành trong năm 2021; Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai (hoàn thành năm 2022); Khai thác phần sâu mỏ đồng Sin Quyền; Khai thác mỏ đồng Lũng Thàng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát; Dự án đầu tư XDCT khai thác, chế biến quặng đất hiếm Đông Pao, Tam Đường, Lai Châu,....

Đầu tư các dự án chế tạo, sản xuất sản phẩm từ đồng, thép, vàng,... để nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa.

\* Chi tiết các chỉ tiêu SXKD và đầu tư giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục 05, 06 kèm theo.

#### **IV. Tái cơ cấu về mô hình tổ chức và vốn đầu tư vào các công ty con:**

##### **1. Công ty mẹ - Tổng công ty**

##### **1.1. Cơ quan quản lý, điều hành Tổng công ty**

\* Ban lãnh đạo quản lý, điều hành:

- HĐQT, BKS: giữ nguyên mô hình theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

- Ban Giám đốc: giữ nguyên định biên BGĐ là 7 người, gồm 01 Tổng Giám đốc, 05 PTGD và 01 KTT.

\* Các phòng ban quản lý:

Về cơ bản, giữ nguyên mô hình bộ máy như hiện nay, tuy nhiên sẽ thường xuyên cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ (CNNV) cho các phòng ban phù hợp với tình hình thực tế trên nguyên tắc không làm tăng đầu mỗi quản lý và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

- Thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ nằm trong phòng QTK (thực hiện năm 2021).

- Giải thể Ban QLDA mở rộng nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai sau khi quyết toán xong Dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai. Xem xét giải thể Ban QLDA Công ty mẹ - Tổng công ty sau khi đưa Dự án khai thác phần sâu mỏ đồng Sin Quyền vào hoạt động. Từng bước điều chuyển chức năng, nhiệm vụ các ban về Phòng Đầu tư xây dựng Tổng công ty và dự kiến đổi tên phòng thành: Phòng quản lý Đầu tư và Dự án.

Thời gian thực hiện: dự kiến sau năm 2025.

Kết thúc năm 2025, sau khi Tổng công ty hoàn thành Đề án Tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 và thoái vốn thành công các đơn vị theo Kế hoạch; công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định và hoàn toàn thực hiện cơ chế tham gia giá mua



bán nội bộ các sản phẩm với TKV, Tổng công ty sẽ xem xét sắp xếp, thu gọn các đầu mối phòng, ban liên quan phù hợp với tình hình thực tế.

### **1.2. Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico**

#### **\* Ban giám đốc:**

Trên cơ sở quy mô và loại hình sản xuất, định biên BGĐ Chi nhánh là 6 người, gồm: 01 Giám đốc, 04 PGĐ và 01 KTT.

#### **\* Các phòng nghiệp vụ:**

Giữ nguyên số lượng các phòng nghiệp vụ như hiện nay (08 phòng), trong đó tập trung nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật mỏ hầm lò và điều chuyển chức năng quản lý kỹ thuật tuyển khoáng từ phòng Kỹ thuật về phòng KCS. Các phòng sau khi được sắp xếp, đổi tên như sau: Tổ chức - Hành chính, Tài chính kế toán, Kỹ thuật mỏ, Kế hoạch - Vật tư, Điều độ sản xuất, An toàn môi trường, Cơ điện, Tuyển khoáng - Quản lý chất lượng sản phẩm.

Trong quá trình phát triển, thường xuyên xem xét điều chỉnh CNNV, định biên cán bộ quản lý, nghiệp vụ của các phòng ban tham mưu đáp ứng yêu cầu quản lý. Khi Dự án Vi Kẽm đạt công suất thiết kế/phần sâu Sin Quyền được triển khai phương án khai thác hầm lò, có thể xem xét tách phòng Kỹ thuật mỏ thành 2 phòng: kỹ thuật sản mỏ lộ thiên và kỹ thuật mỏ hầm lò.

#### **\* Các phân xưởng sản xuất:**

- Căn cứ tiến độ Dự án khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, thành lập mới 02 phân xưởng gồm: 01 Phân xưởng khai thác hầm lò (số 2) và 01 Phân xưởng cơ điện vận tải hầm lò, cùng với Phân xưởng khai thác hầm lò hiện nay (số 1).

- Tách phân xưởng vận tải thành 2 phân xưởng: PXVT1 và PXVT2.

Sau khi tái cơ cấu, MĐV sẽ có 09 PXSX gồm: Phân xưởng Khai thác lộ thiên, Phân xưởng khai thác hầm lò 1, Phân xưởng khai thác hầm lò 2, Phân xưởng cơ điện vận tải hầm lò, Phân xưởng Vận tải 1, Phân xưởng vận tải 2, Phân xưởng Cơ điện, Phân xưởng Tuyển khoáng 1, Phân xưởng Tuyển khoáng 2.

- Khi Dự án khai thác phần sâu Sin Quyền được triển khai, tùy theo tình hình cụ thể sẽ thành lập các PXSX phù hợp với tiến độ Dự án.

### **1.3. Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico**

Để thuận lợi cho việc vận hành Nhà máy luyện đồng 2, bộ máy quản lý chính của Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai sẽ từng bước chuyển về Nhà máy luyện đồng 2 (xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai). Tại Nhà máy luyện đồng 1 (Tầng Loòng Bảo Thắng, Lào Cai) sẽ bố trí cán bộ quản lý ở mức độ phù hợp, đảm bảo hiệu lực và hiệu quả quản lý.

#### **\* Ban Giám đốc:**

Trên cơ sở quy mô và loại hình sản xuất, định biên BGĐ Chi nhánh là 6 người, gồm: 01 Giám đốc, 04 PGĐ và 01 KTT.

#### **\* Các phòng nghiệp vụ:**

Các phòng nghiệp vụ được cơ cấu lại để phù hợp với mô hình quản lý 2 nhà máy và chuyên môn hóa các quá trình quản lý. Các phòng chức năng cơ bản được giữ nguyên để thực hiện nhiệm vụ chung ở cả 2 nhà máy, riêng phòng Kế hoạch - Vật tư được tách thành 2 phòng để quản lý chuyên sâu. Trong quá trình phát triển, thường xuyên xem xét điều chỉnh CNNV, định biên cán bộ quản lý, nghiệp vụ của các phòng ban tham mưu đáp ứng yêu cầu quản lý.



Sau khi sắp xếp, có 08 phòng nghiệp vụ gồm: Tổ chức hành chính, Tài chính kế toán, Kỹ thuật và điều độ, Kế hoạch, Vật tư, Cơ điện, An toàn - Môi trường, Quản lý chất lượng sản phẩm.

**\* Các Phân xưởng sản xuất:**

Thành lập mới các PXSX tại nhà máy 2 theo mô hình nhà máy 1, tổng số sẽ có 10 PXSX, gồm:

- 05 phân xưởng tại khu vực Tầng Loồng hiện nay được đổi tên thành các Phân xưởng số 1.

- 05 Phân xưởng mới thành lập tại khu vực Bán Qua gồm: Phân xưởng luyện - axit 1, Phân xưởng điện phân 2, Phân xưởng năng lượng 2, Phân xưởng tuyển xỉ 2, Phân xưởng cơ điện vận tải 2.

**1.4. Chi nhánh Đá quý Việt Nhật – Vimico**

**a. Định hướng phát triển:**

Để phù hợp với quy mô phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn tới, ngoài sản phẩm truyền thống, Chi nhánh Đá quý Việt Nhật sẽ được tăng cường các nguồn lực, đủ năng lực để phát triển kinh doanh vàng vật chất do Tổng công ty sản xuất, từng bước xây dựng thương hiệu vàng VIMICO và thực hiện quản lý, vận hành các tòa nhà của Tổng công ty.

**b. Nội dung triển khai:**

*\* SXKD dòng sản phẩm vàng nguyên liệu 99.9% của Tổng công ty:*

*- Mục tiêu:*

Triển khai kinh doanh theo hướng chế biến sâu và phát triển kinh doanh vàng vật chất, xây dựng phát triển thương hiệu vàng VIMICO nhằm tăng lợi nhuận và tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

*- Phương án:*

+ *Giai đoạn 2021-2022:* Do còn ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh và chưa có địa điểm kinh doanh, do vậy Chi nhánh tập trung thực hiện các công việc sau:

- (1) Tìm kiếm các đơn vị sản xuất để tiêu thụ vàng nguyên liệu;
- (2) Triển khai mua vào, bán ra vàng nguyên liệu trên thị trường theo hướng kinh doanh thương mại tạo tiền đề kinh nghiệm cho việc phát triển kinh doanh vàng thương hiệu VIMICO của các năm sau;
- (3) Nghiên cứu thị trường và triển khai xây dựng phương án kinh doanh vàng nguyên liệu.
- (4) Nghiên cứu tìm hiểu và đặt mua máy móc, dây chuyền thiết bị phục vụ cho sản xuất vàng nguyên liệu.
- (5) Tuyển dụng thêm, đào tạo và đào tạo chuyển đổi lao động để chuẩn bị vận hành mô hình sản xuất mới.
- (6) Cải tạo qui hoạch lại nhà xưởng để phù hợp với dây chuyền sản xuất mới.

Địa điểm kinh doanh: Tại trụ sở 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

*+Giai đoạn 2023-2025:*

(1) Triển khai phương án giao dịch kinh doanh mua vào và bán ra vàng miếng, vàng nguyên liệu phục vụ cho các công ty chế tác vàng bạc trong nước (theo Quy chế giao dịch mua vào, bán ra vàng bạc đá quý).

(2) Tổ chức sản xuất, kinh doanh vàng thương hiệu VIMICO và kinh



doanh vàng vật chất, vàng nguyên liệu.

Theo đó, chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt dây chuyền máy móc thiết bị mới; tuyển dụng bổ sung lao động kinh doanh, bán hàng, thiết kế mẫu; xây dựng phương án bảo vệ, và tìm đơn vị để ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ; triển khai công tác marketing để phát triển thương hiệu.

*\* SXKD dòng quà tặng mỹ nghệ:*

- *Mục tiêu:*

Tăng sản lượng sản xuất: 30%, lợi nhuận tăng: 20%.

- *Phương án:*

+ Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ nghệ cao cấp trên nhiều chất liệu, tập trung đẩy mạnh vào công tác tiêu thụ và phát triển sản phẩm mới, gắn yếu tố phong thủy kết hợp với đá quý tự nhiên tạo nên tính mỹ thuật và độ tinh xảo cao.

+ Định vị phân khúc khách hàng từ tầm trung và cao cấp trở lên.

*\* SXKD dòng trang sức:*

- *Mục tiêu:*

Chế tác các sản phẩm theo đơn đặt hàng và hợp đồng gia công chế tác xuất khẩu.

- *Phương án:*

+ Tiếp tục hợp tác với đối tác khách hàng truyền thống hiện có tại Nhật Bản và khai thác tìm kiếm thêm một số đối tác khác để gia công xuất khẩu.

+ Đẩy mạnh phát triển gia công chế tác cho các đối tác tại thị trường trong nước.

*\* Quản lý, vận hành tòa nhà:*

Để thuận tiện, chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả sử dụng các tòa nhà, Tổng công ty dự kiến sẽ giao cho Chi nhánh quản lý, vận hành và khai thác các tòa nhà của Tổng công ty để bố trí sản xuất, cửa hàng kinh doanh và cho thuê văn phòng.

**c. Giải pháp thực hiện:**

*\* Về tổ chức:*

- *Phòng Nghiệp vụ:* Chuyển chức năng Văn phòng về phòng Kinh doanh, đổi tên phòng Kinh doanh thành phòng Kinh doanh Tổng hợp. Chi nhánh có 02 phòng nghiệp vụ: Phòng Kinh tế tổng hợp gồm bộ phận kế toán, kế hoạch và tiền lương; Phòng Kinh doanh tổng hợp gồm bộ phận Marketing, nghiên cứu thị trường và bán hàng, bộ phận cung ứng đầu vào, bộ phận VP, quản lý tòa nhà.

- *Xưởng sản xuất:* Giữ nguyên như hiện nay, chia làm 05 Tổ sản xuất, trong đó thành lập mới Tổ sản xuất vàng nguyên liệu vật chất.

*\* Về đầu tư nhà xưởng, dây chuyền:*

- Quy hoạch lại khu vực xưởng sản xuất, đầu tư lắp đặt hệ thống dây chuyền sản xuất vàng vật chất tách biệt với dây chuyền sản xuất hàng mỹ nghệ để quản lý nguyên liệu vàng, bụi vàng;

- Đầu tư bổ sung, thay thế, mua mới một số máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất hàng vàng 99.99% như: Máy đập, máy phôi tuổi vàng, máy hàn laze, máy in sáp 3D, máy đúc, hệ thống mạ.....; kiện toàn lại hệ thống tận thu bụi vàng để giảm hao hụt vàng.

- Tiếp nhận, cải tạo trụ sở Tổng công ty thành trung tâm kinh doanh các sản phẩm vàng, trang sức mỹ nghệ, xưởng sản xuất và cho thuê văn phòng.



**\* Nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực:**

- Giữ nguyên số lao động hiện tại của Chi nhánh. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, CNKT chủ chốt; nhân viên bán hàng.v.v.... đảm bảo đủ năng lực trình độ kỹ thuật để vận hành được thiết bị máy móc, công nghệ mới, bán hàng chuyên nghiệp;

- Tuyển dụng bổ sung chuyên gia thiết kế 3D; nhân viên Marketing, nghiên cứu phát triển thị trường; nhân viên kinh doanh

**d. Mô hình tổ chức sau khi tái cơ cấu:**

- Ban Giám đốc: Giám đốc và 01 Phó giám đốc;

- 02 phòng nghiệp vụ: Phòng Kinh tế tổng hợp, Phòng kinh doanh tổng hợp;

- Xưởng sản xuất: 01 Xưởng sản xuất.

**e. Mục tiêu đạt được sau khi tái cơ cấu:**

- Phân đầu xây dựng và đưa sản phẩm vàng của Vimico trở thành một trong số những thương hiệu vàng có uy tín, đảm bảo chất lượng trên thị trường Việt Nam và được khách hàng Việt Nam ưa chuộng và tin dùng. Từng bước xây dựng sản giao dịch kim loại màu và các sản phẩm kim loại khác.

- Phân đầu doanh thu và tỷ suất lợi nhuận tăng đều theo các năm, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động tăng 20% mỗi năm, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, tiếp tục nâng cao đội ngũ lao động tay nghề cao, thợ lành nghề, chuyên gia giỏi.

- Quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả các tòa nhà của Tổng công ty.

**1.5. Trung tâm Điều trị bệnh nghề và Phục hồi chức năng – Vimico:**

**\*Hiện trạng:**

Hiện nay, việc quản lý, điều hành Trung tâm có những vướng mắc nhất định về mô hình quản lý, hồ sơ đất đai, hiệu quả SXKD, nhiệm vụ điều dưỡng,... nên Trung tâm cần tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các cấp, đồng thời Trung tâm cần phải đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động. Cơ sở tại Quất Lâm (Nam Định) đã xuống cấp trầm trọng, vị trí không được thuận lợi, khó cạnh tranh và tiếp nhận người điều dưỡng, ít có điều kiện phát triển. Cơ sở tại SaPa (Lào Cai) có khả năng tiếp tục duy trì và phát triển.

**\* Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả của Trung tâm :**

- Cơ sở tại Quất Lâm (Nam Định):

Do gặp nhiều khó khăn, khó có điều kiện phát triển nên Tổng công ty đề xuất thanh lý tài sản và chuyển trả lại đất cho địa phương.

- Cơ sở tại Sa Pa:

+ Tiếp tục báo cáo, xin ý kiến TKV, Công đoàn TKV, các bộ ban ngành về việc hoàn thiện mô hình quản lý, cơ chế hoạt động.

+ Trung tâm tiếp tục hoàn thiện các thủ tục về đất đai, thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng và mở rộng lĩnh vực hoạt động để phát huy quả các công trình đã đầu tư. Trung tâm tìm các giải pháp để tạo nguồn doanh thu như: dịch vụ điều dưỡng, tour du lịch, ăn uống, cung cấp dịch vụ ăn ca, bảo hộ, v.v... để duy trì hoạt động và tự chủ nguồn kinh phí đầu tư chống xuống cấp.

+ Trung tâm có thể tìm kiếm Nhà đầu tư hợp tác kinh doanh lâu dài với Trung tâm trong thực hiện các dịch vụ nói trên hoặc tìm kiếm Nhà đầu tư thuê trụ sở/một phần trụ sở để thực hiện các dịch vụ được pháp luật cho phép.



+ Trong điều kiện cho phép, Tổng công ty phối hợp với Công đoàn tiếp tục thực hiện phương án giải thể, chấm dứt hoạt động Trung tâm như Đề án giai đoạn 2017-2020 đã được phê duyệt.

## **2. Các Công ty con cổ phần chi phối**

Các công ty con do Tổng công ty giữ cổ phần chi phối tiếp tục hoàn thiện đề án tái cơ cấu của mình để đảm bảo thực hiện được mục tiêu chung của Tổng công ty. Thực hiện chỉ đạo của các cấp quản lý và căn cứ vào các nguồn lực hiện có, khả năng phát triển thị trường, các công ty con được định hướng phát triển như sau:

### **2.1. Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico**

#### **a. Hiện trạng**

Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico có truyền thống và kinh nghiệm khai thác, chế biến quặng kẽm chì. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, Công ty đã ổn định SXKD, có lợi nhuận cao. Tuy nhiên, trong giai đoạn gần đây, trữ lượng kẽm chì ngày càng cạn kiệt, nên cần phải điều chỉnh dự án nâng công suất nhà máy kẽm điện phân về mức công suất 12.500 tấn kẽm/năm và phải tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên. Ngoài sản phẩm kẽm chì, Công ty đang đẩy mạnh đầu tư khai thác mỏ thiếc Tây Nam Núi Pháo và nghiên cứu mở thêm các mỏ khoáng sản khác phù hợp với thế mạnh của công ty.

*Hiện trạng tài nguyên và Kết quả SXKD giai đoạn 2017-2020 của đơn vị tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo.*

#### **b. Đề xuất về tái cơ cấu:**

Giai đoạn 2021-2025: Tổng công ty tiếp tục giữ nguyên tỷ lệ vốn góp 51% vốn điều lệ tại CTCP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo phát triển bền vững, Công ty tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách:

- Tiếp tục tái cơ cấu Công ty, trong đó cần khẩn trương chuyển Công ty TNHH MTV KLM Bắc Kạn (đơn vị thành viên của Công ty) thành Chi nhánh trực thuộc Công ty để đảm bảo CTCP chỉ có 1 cấp và Tổng công ty chỉ có 2 cấp.
- Thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán theo đúng quy định.
- Điều chỉnh và quyết toán dự án nâng công suất nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên với công suất 12.500 tấn/năm xong trong năm 2021.
- Đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu cho Nhà máy kẽm điện phân trong 10-15 năm tới.
- Rà soát, bố trí sắp xếp hợp lý các nguồn lực, đặc biệt chú ý nguồn lực con người và đất đai đang được giao quản lý sử dụng.

### **2.2. Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng**

#### **a. Hiện trạng**

Nhà máy gang thép đã đi vào vận hành ổn định, sản phẩm đạt chất lượng và đạt công suất thiết kế. Năm 2020 công ty đã có lãi, tuy nhiên hiện đang tiềm ẩn rất nhiều khó khăn như:

- Lỗ lũy kế còn cao, hết năm 2020, Công ty lỗ lũy kế 334,471 tỷ đồng, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 18,49 lần.
- Khu Nam mỏ Nà Rua dự kiến kết thúc khai thác trong năm 2021 nhưng việc triển khai thực hiện công tác khai thác khu Bắc rất chậm do vướng mắc nhiều



về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư, nguồn vốn để thực hiện... nên khả năng cung cấp nguyên liệu trong giai đoạn 2022-2024 rất khó khăn.

*Hiện trạng tài nguyên và Kết quả SXKD giai đoạn 2017-2020 của đơn vị tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo.*

**b. Đề xuất tái cơ cấu:**

Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, cùng các cổ đông tháo gỡ các vướng mắc, đưa công ty thoát khỏi tình trạng thua lỗ, thu hồi vốn đầu tư.

Yêu cầu người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty chỉ đạo Công ty tích cực làm việc với các cấp chính quyền, các cấp quản lý và các cổ đông để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, đặc biệt về vốn và GPMB, phấn đấu đưa khu bắc mỏ Nà Rua vào sản xuất từ cuối năm 2022.

Trong giai đoạn chưa có quặng từ khu Bắc, Công ty phải tích cực tìm kiếm nguồn nguyên liệu. TKV và Tổng công ty sẽ hỗ trợ Công ty về mua bán nguyên nhiên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh thực hiện công tác quản trị chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng cường nghiên cứu và chế biến sản phẩm sau luyện kim để nâng cao chuỗi giá trị, trong đó tập trung thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

- Tập trung các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện khai thác khu Bắc mỏ Nà Rua để đến cuối năm 2022 có thể khai thác được quặng cho khâu tuyển, luyện.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng; giá cả vật tư đầu vào, lượng tồn kho vật tư; nguyên liệu; sản phẩm để giảm vốn ngắn hạn. Làm chủ công nghệ - thiết bị, tiến tới hết năm 2021 không thuê chuyên gia công nghệ, hết năm 2022 không phải thuê chuyên gia trạm ôxy. Tăng cường tin học hóa, tăng năng suất lao động, giảm ít nhất 5% lao động trực tiếp trong dây chuyền bố trí vào công đoạn đúc chi tiết cung cấp cho nội bộ. Tăng cường chế biến sâu xỉ thép; xỉ gang, tận thu mê thép trong xỉ để làm liệu nguội. Tiếp tục hoàn thiện khâu tuyển để tăng thực thu và sẵn sàng cho việc tiếp nhận quặng tại khu Bắc.

- Mở rộng thị trường cung cấp nguyên nhiên vật liệu, đảm bảo cung cấp ổn định. Sử dụng tối đa các nguồn quặng sắt tại khu vực và nội bộ Tổng công ty.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt trong nội bộ Tập đoàn về sản phẩm từ thép, đa dạng hóa sản phẩm: như sản xuất thép đúc chi tiết, thép chế tạo, thép hợp kim cao khi thị trường có nhu cầu để tận dụng lợi thế công nghệ nhằm gia tăng giá trị sản phẩm.

- Chế tạo SP đúc, thép hợp kim từ gang lỏng/phôi thép của Công ty để tận dụng nhiệt nóng, khí than dư thừa của Khu liên hợp và cung cấp sản phẩm thép cán phục vụ ngay tại địa phương, góp phần gia tăng hiệu quả sản xuất và chủ động đầu ra của sản phẩm cũng như từng bước xây dựng thương hiệu thép cán cho Gang thép Cao Bằng về lâu dài.

- Công ty ký hợp đồng lâu dài, ổn định với các đối tác, cổ đông về mua bán nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa để các bên có kế hoạch SXKD dài hạn đảm bảo được nhu cầu tài chính cho SXKD trong giai đoạn khó khăn.

### **2.3. Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng**

**a. Hiện trạng**

Trong những năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng gặp rất nhiều khó khăn do tài nguyên trữ



lượng quặng thiếc mỏ Tĩnh Túc đã hết. Công ty chủ yếu đang khai thác tận thu ở bãi thải Thập Lục Phần và đang xin GPKT tận thu mỏ Tĩnh Túc (đã xong thủ tục đóng cửa mỏ). Mỏ sắt Nà Lũng khai thác kém hiệu quả. Mỏ thiếc Nậm Kép đã được phê duyệt trữ lượng và đang lập dự án xin cấp phép khai thác. Sản xuất điện và fero hiệu quả không cao, phụ thuộc thời tiết.

Đến hết năm 2020, một số chỉ tiêu tài chính của Công ty như sau: lỗ lũy kế 27,8 tỷ đồng, nợ phải trả 29,7 tỷ đồng; Chỉ tiêu tài chính: Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,45 lần; hệ số nợ phải trả/tổng tài sản là 0,24 lần; hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 1,74 lần; Hệ số tự chủ tài chính là 0,61 lần; hệ số bảo toàn vốn là 1,04 lần.

*Hiện trạng tài nguyên và Kết quả SXKD giai đoạn 2017-2020 của đơn vị tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo.*

**b. Đề xuất tái cơ cấu:**

Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng; yêu cầu người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty chỉ đạo Công ty tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, đặc biệt trong thời gian tới tập trung tháo gỡ những vướng mắc về hoạt động khoáng sản và tài nguyên; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có; tiếp tục tái cơ cấu tổ chức và lao động, tinh gọn bộ máy, ... Công ty chấm dứt lỗ lũy kế và SXKD có lãi.

Trong quá trình hoạt động, sẽ xem xét giảm vốn điều lệ của Công ty ở mức phù hợp (bằng hình thức Công ty mua lại cổ phần đã phát hành) để giảm áp lực về cổ tức cho Công ty.

**2.4. Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico**

**a. Hiện trạng**

Do gặp nhiều khó khăn (cơ chế chính sách, giá bán sản phẩm, quản trị nội bộ, thị trường tiêu thụ,...) nên trong những năm gần đây Công ty hoạt động kém hiệu quả. Từ năm 2014 đến nay Công ty không có cổ tức, tình hình tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, trong 3 năm gần đây đơn vị luôn trong tình trạng kiểm soát đặc biệt do mất thanh khoản. Công ty có GPKT 02 mỏ thì 1 mỏ là mỏ sắt Kíp Tước hết hạn GPKT vào năm 2024, mỏ sắt Làng Vinh Làng Cọ phát sinh lỗ 30 tỷ là toàn bộ phí cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2015 đến nay. Tổng số lỗ lũy kế của đơn vị đến 31/12/2020 là 29,5 tỷ đồng/VCSH 35 tỷ đồng, Hệ số nợ phải trả/VCSH là 6,4.

*Hiện trạng tài nguyên và Kết quả SXKD giai đoạn 2017-2020 của đơn vị tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo.*

**b. Đề xuất tái cơ cấu:**

Tổng công ty tiếp tục giữ cổ phần chi phối tại Công ty cổ phần Khoáng sản 3, tập trung mọi nguồn lực trong điều kiện có thể nhằm hỗ trợ Công ty khắc phục và vượt qua khó khăn, từng bước ổn định và phát triển SXKD.

Yêu cầu Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty chỉ đạo Công ty thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

- Tích cực làm việc với cơ quan quản lý để có chính sách thuế, phí phù hợp, hạ tỷ trọng thuế phí trong kết cấu giá thành.



- Tổ chức thăm dò, đánh giá lại nguồn tài nguyên do Công ty sở hữu báo cáo Tổng công ty và TKV để có định hướng tiếp theo.

- Phát huy tối đa các nguồn lực của Công ty, trong đó tập trung nâng cao hiệu quả khai tuyến mỏ sắt Kíp Tước và cân đối sản lượng, hợp lý hóa các công đoạn khai thác, chế biến quặng sắt mỏ Làng Vinh – Làng Cọ đáp ứng được yêu cầu về chất lượng nguồn nguyên liệu cung cấp cho Công ty CP gang thép Cao Bằng.

- Nghiên cứu, mở rộng thị trường tại Lào Cai nói riêng và trong nước nói chung cũng như xuất khẩu (nếu Chính phủ cho phép).

- Công ty ký hợp đồng lâu dài, ổn định với các đối tác, cổ đông về các dịch vụ sản xuất mỏ, mua bán nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa để các bên có kế hoạch SXKD dài hạn đảm bảo được nhu cầu tài chính cho SXKD trong giai đoạn khó khăn.

## **2.5. Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico**

### **a. Hiện trạng:**

Hiện nay Công ty đang triển khai thực hiện Dự án khai thác, chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao (Tam Đường, Lai Châu). Trong quá trình triển khai thực hiện có nhiều khó khăn, vướng mắc như:

- Ban đầu được Chính phủ chấp thuận hợp tác với đối tác Nhật bản để khai thác, chế biến, tiêu thụ, nhưng sau đó, đối tác xin rút nên Công ty gặp khó khăn về thu xếp nguồn vốn, công nghệ chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Thực trạng trong nước: chưa có công nghệ chế biến sâu phù hợp, thị trường tiêu thụ rất hẹp (một số đối tác mới chỉ dừng lại ở mức ký hợp đồng nguyên tắc), quy định về xuất khẩu tinh quặng còn ngặt nghèo.

- Việc thu xếp vốn cho Dự án cũng rất khó khăn, các tổ chức tín dụng vẫn chưa tài trợ vốn cho dự án là do LAVRECO chưa chứng minh được đầu ra của sản phẩm tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu.

- Đánh giá hiệu quả kinh tế của Dự án được nội suy từ giá công bố tại website: [www.asianmetal.com](http://www.asianmetal.com) và trừ đi chi phí thủy luyện, chiết tách nên gặp nhiều rủi ro vì việc định vị giá bán sản phẩm là dựa vào sản phẩm và thị trường khác.

- Ngay khi được cấp GPKT, nhà nước đã thu tiền cấp quyền sử dụng tài liệu địa chất, tiền cấp quyền khai thác,... nhưng công ty chưa có sản phẩm bán nên mới nộp được 1 phần và vẫn còn nợ Phí CQKTKS gần 100 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2020.

- Nguồn vốn góp của các cổ đông từ trước đến nay khoảng hơn 200 tỷ (Tổng công ty góp 55%) chưa có khả năng thu hồi, sinh lời trong giai đoạn 2-3 năm tới.

Trong giai đoạn chưa lựa chọn được đối tác, công nghệ, thị trường và thu xếp nguồn vốn cho dự án, Công ty đã chủ động thực hiện một số dịch vụ khai thác mỏ để tháo gỡ khó khăn, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

*Hiện trạng tài nguyên và Kết quả SXKD giai đoạn 2017-2020 của đơn vị tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo.*

### **b. Đề xuất tái cơ cấu:**

Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần chi phối tại LAVRECO và hỗ trợ Công ty tháo gỡ khó khăn, xây dựng và triển khai thực hiện Dự án điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế.



Yêu cầu Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty chỉ đạo Công ty tập trung thực hiện một số giải pháp như sau:

- Tích cực làm việc với cơ quan quản lý để có chính sách thuế, phí, đền bù GPMB phù hợp.

- Báo cáo các cấp thẩm quyền cho phép Công ty thực hiện chiến lược “lấy ngắn, nuôi dài”. Trước mắt, cho phép Công ty được xuất khẩu tinh quặng đất hiếm hàm lượng trên 30% trong giai đoạn đầu để Công ty tích lũy tài chính, kinh nghiệm và tiếp tục nghiên cứu công nghệ chế biến sâu phù hợp với trình độ KHCN trong nước và quốc tế.

- Cùng các cổ đông xem xét tăng vốn điều lệ ở mức hợp lý để đủ vốn cho việc nộp Ngân sách, điều chỉnh, triển khai dự án làm đền tinh quặng đất hiếm bằng vốn tự có.

## **2.6. Công ty cổ phần Đầu tư Gang thép Lào Cai**

Tổng công ty sẽ hoàn thành giải thể Công ty cổ phần Đầu tư Gang thép Lào Cai sau khi thực hiện các thủ tục cần thiết và thu hồi vốn. Thời gian thực hiện: trong năm 2021-2022.

## **2.7. Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng**

### **a. Hiện trạng:**

Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng là đơn vị hoạt động thương mại dịch vụ: kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống, tour du lịch .... Công ty có lợi thế thương mại về vị trí địa lý nhưng hoạt động kinh doanh hiệu quả không cao do bị cạnh tranh bởi nhiều tổ chức, cá nhân hoạt động cùng ngành nghề trên cùng địa bàn. Đặc biệt từ cuối 2019 đến nay và dự kiến các năm tiếp theo, dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp trên thế giới. Mặc dù tại Việt Nam, dịch tạm thời được khống chế song vẫn đang có nguy cơ tiềm ẩn quay trở lại. Công ty CP Du lịch và Thương mại Bằng Giang là đơn vị trong ngành dịch vụ do vậy đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng rất nặng nề.

*Kết quả SXKD giai đoạn 2017-2020 của đơn vị tại Phụ lục 04 kèm theo.*

### **b. Đề xuất tái cơ cấu:**

Chủ trương Tổng công ty sẽ tập trung vào các lĩnh vực chính là khai thác, chế biến khoáng sản và không nắm giữ cổ phần tại các đơn vị khối thương mại dịch vụ. Vì vậy, Tiếp tục thực hiện chủ trương đã được TKV thông qua giai đoạn 2017-2020, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ số vốn góp của TCT bằng 51,31% vốn điều lệ tại CTCP Du lịch và Thương mại Bằng Giang theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2021-2022.

## **3. Công ty liên kết, đơn vị đầu tư tài chính dài hạn**

### **3.1. Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Hà Nội**

#### **a. Hiện trạng**

Trong những năm gần đây, CTCP Đá quý và Vàng Hà Nội hoạt động kém hiệu quả, doanh thu chủ yếu từ nguồn kinh doanh cho thuê nhà do CTCP có lợi thế về đất đai. Hoạt động đầu tư vào khai thác khu mỏ Đồi Tỷ, Khe Mét theo Giấy phép khai thác số 1812/GP-BTNMT không triển khai thực hiện được do thiếu vốn đầu tư và kết quả khai thác thử nghiệm đá quý trong quá trình thăm dò không hiệu quả. Năm 2020 Công ty đã được Bộ Tài nguyên và môi trường cấp giấy phép khai thác số 167/GP-BTNMT ngày 15/9/2020 về việc cấp phép khai thác mỏ Đá quý



Đồi Tỳ- Khe Mét (xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An). Hiện Công ty đang triển khai phương án hợp tác đầu tư khai thác mỏ với các đối tác. Dự kiến phương án hợp tác này được ký kết thực hiện sẽ thu hồi cho Công ty số tiền hơn 16 tỷ đồng đã đầu tư vào khu mỏ và sẽ tạo ra cơ hội tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của các năm tiếp theo.

Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 CTCP có lãi 142 triệu đồng/161 triệu đồng kế hoạch, tuy nhiên hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao. Từ trước đến nay Công ty chưa có cổ tức, đang lỗ lũy kế 3,364 tỷ đồng. Các năm qua, hiệu quả đầu tư vốn của Tổng công ty tại Công ty còn rất hạn chế.

Vướng mắc lớn nhất của Tổng công ty tại đơn vị này là: Tổng công ty chỉ nắm giữ 48% VDL nên không quyết định được các vấn đề chiến lược, quản trị, con người,... Các cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối có những chính sách tương đối khác biệt với định hướng của Tổng công ty.

*Hiện trạng tài nguyên và Kết quả SXKD giai đoạn 2017-2020 của đơn vị tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo.*

*b. Đề xuất tái cơ cấu:*

Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần tại Công ty, đồng thời tìm các biện pháp để tăng tỷ lệ vốn góp nhằm nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty.

Trường hợp, không thể nắm giữ được cổ phần chi phối, Tổng công ty sẽ làm việc với các cổ đông để xem xét chia tách công ty theo quy định của pháp luật. Phần vốn góp của Tổng công ty sẽ tách thành Công ty TNHH một thành viên được kế thừa quyền lợi và trách nhiệm theo tỷ lệ vốn góp. Sau đó chuyển Công ty TNHH thành chi nhánh hoặc sáp nhập với Chi nhánh đá quý Việt Nhật để phục vụ cho chiến lược xây dựng sản phẩm kim loại màu và thương hiệu vàng VIMICO của Tổng công ty.

*Thời gian thực hiện: Trong năm 2023-2025.*

### **3.2. CTCP Xi măng Tân Quang - VVMI**

*a. Hiện trạng*

Công ty cổ phần Xi măng Tân Quang - VVMI là Công ty con của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP có ngành nghề chính là sản xuất và bán buôn, bán lẻ xi măng. Vốn chủ sở hữu là 350.000 triệu đồng trong đó:

+ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP: 200.000 triệu đồng;

+ Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin: 102.000 triệu đồng;

+ Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP: 48.000 triệu đồng.

- Cổ phiếu: số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 35.000.000; mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VNĐ.

- Từ năm 2017 đến hết năm 2020 Công ty hoạt động có hiệu quả, có lợi nhuận, đến hết 30/6/2020 đã bù hết được lỗ lũy kế, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết 31/12/2020 là 25.669 triệu đồng.

- Dự kiến chia cổ tức năm 2020 là 2%.

- Kế hoạch năm 2021, lợi nhuận sau thuế là: 30.000 triệu đồng.

*b. Đề xuất tái cấu trúc:*

Tổng công ty tiếp tục thực hiện chủ trương đã được TKV thông qua giai đoạn 2017-2020 là thoái toàn bộ vốn góp tại CTCP Xi măng Tân Quang theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.



*Thời gian thực hiện:* Trong năm 2021-2022.

## **V. Nội dung và các giải pháp chủ yếu trong tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp**

### **1. Hoàn thiện thể chế quản lý Tổng công ty nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra**

Tiếp tục rà soát, xây dựng hoàn thiện cơ chế quản lý trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty. Trong đó, đặc biệt chú trọng tăng cường và nâng cao công tác quản trị chi phí, giá thành sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn, phát triển vốn.

Ban hành sửa đổi các quy chế, quy định quản lý gắn với trách nhiệm của mỗi cá nhân trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao. Mỗi đơn vị, bộ phận cần nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch, theo dõi, quản lý và điều hành công việc được giao.

### **2. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, điều hành**

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ và tiến hành sắp xếp, tổ chức lại các phòng ban, phân xưởng, tránh chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo tinh gọn và hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Công tác đổi mới, sắp xếp, cơ cấu tổ chức bộ máy tiến hành thường xuyên để thích ứng với các thay đổi môi trường kinh doanh, phù hợp với nguồn lực doanh nghiệp từng giai đoạn và công tác sắp xếp, tái cấu trúc bộ máy điều hành Tổng Công ty. Công tác rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong doanh nghiệp gắn với tinh giản lao động, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện giao và quản lý chặt chẽ định biên đối với các đơn vị trên cơ sở phân loại công việc, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm trong doanh nghiệp.

### **3. Đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên**

Trong giai đoạn 2021- 2030, Tổng công ty dự kiến kế hoạch thăm dò mở mới, thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, thăm dò phục vụ khai thác, triển khai thực hiện 14 Đề án/phương án với tổng khối lượng 100.000 mét khoan; giá trị dự kiến khoảng 500 tỷ đồng.

Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021 -2025, tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, triển khai thi công các đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng và thăm dò các khu mỏ mới đối với các khoáng sản trong tâm như: đồng và kẽm chì, trong giai đoạn 2021 -2025 dự kiến triển khai thăm dò 05 mỏ đồng, 02 mỏ kẽm chì, 01 thiếc với khối lượng:

- *Thăm dò quặng đồng:* Dự kiến thực hiện 05 đề án với khối lượng giá trị dự toán là: Khoan 66.000 mét, giá trị 412 tỷ đồng, mục tiêu trữ lượng 147.000 tấn đồng kim loại. Trong đó Tổng công ty sẽ tập trung vào lập và thi công các đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới giấy phép khai thác các mỏ đồng Sin Quyền, Vi Kẽm, phần sâu toàn mỏ Sin Quyền nhằm gia tăng trữ lượng, kéo dài tuổi thọ các mỏ và phát triển các mỏ mới Đông Nam Sin Quyền, Lũng Thàng.

- *Thăm dò kẽm chì:* Tập trung tại khu vực Bắc Kạn, Thái Nguyên. Khối lượng, giá trị dự kiến: khoan 26.000 mét; giá trị 52 tỷ đồng; mục tiêu trữ lượng 61.000 tấn (Zn +Pb).



- *Thăm dò thiếc gốc*: Thăm dò BSNC mỏ thiếc Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới giấy phép khai thác số 1689/GP-BTNMT. Khối lượng, giá trị dự kiến: khoan 8.000 mét; giá trị 16 tỷ đồng; mục tiêu trữ lượng 4.100 tấn Sn.

*Kế hoạch chi tiết thăm dò tài nguyên giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục 07 kèm theo.*

#### **4. Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển chế biến sâu khoáng sản, gia tăng chuỗi giá trị sản phẩm**

Trong giai đoạn tiếp theo, triển khai ứng dụng kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học vào sản xuất đã được nghiệm thu giai đoạn 2017 – 2020, cụ thể như: Sản xuất đồng sunfat sạch (làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi); Thu hồi ni ken sulfat trong quá trình điện phân đồng ở dạng sulfat niken; thu hồi kim loại quý trong khí khói...

Giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 sẽ tiếp tục cải tiến công nghệ để tăng thực thu, thu hồi sản phẩm có ích, cải thiện các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ trên cơ sở ứng dụng tin học hóa, tự động hóa, thay thế thiết bị mới có tính năng vượt trội, điều chỉnh cơ cấu vật liệu, nhiên liệu phù hợp...

Để gia tăng chuỗi giá trị sản phẩm, với lợi thế nguồn sản phẩm kim loại chất lượng cao tự sản xuất từ các mỏ khoáng sản. Trên cơ sở khảo sát thực tế, phân tích đánh giá thị trường, nghiên cứu ứng dụng, hợp tác khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ để đầu tư các công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường, đảm bảo tuổi đời công nghệ, hạn chế tối đa sử dụng hóa chất độc hại. Các sản phẩm mới dự kiến sản xuất:

- Đối với đồng kim loại có thể tạo ra các sản phẩm mới như tấm đồng, ống đồng, đồng lá, đồng thoi, thanh dẫn, bột nano đồng, hợp kim đồng – kẽm...;

- Đối với kẽm kim loại có thể sản xuất kẽm lá dạng cuộn, bột kẽm kim loại, bột kẽm ôxit chất lượng cao, hợp kim kẽm – đồng...;

- Đối với sản phẩm từ gang thép sẽ tiếp tục đánh giá, khảo sát để có thể tạo sản phẩm mới có ưu thế về chất lượng, giảm giá thành như ghi lò, bi nghiền, có thể đầu tư dây chuyền cán kéo tạo ra các sản phẩm phục vụ trực tiếp cho tiêu dùng hoặc các ngành công nghiệp khác như thép xây dựng, thép chế tạo, thép hợp kim với nhiều hình dạng như tấm, dây, ống ...

#### **5. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật công nghệ**

##### **a. Công tác khai thác mỏ**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch kỹ thuật công nghệ 5 năm giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình thực tế, định hướng phát triển của Tổng công ty, định hướng tầm nhìn đến năm 2030.

- Tập trung các nguồn lực đẩy nhanh thực hiện đưa các dự án khai thác mỏ vào sản xuất như: khu Bắc mỏ Nà Rua – Cao Bằng; mỏ đồng Vi Kẽm – Lào Cai; mỏ sắt Làng Vinh – làng Cọ; mỏ đất hiếm Đông Pao; mỏ thiếc Tây Nam Núi Pháo; xin cấp phép và đưa vào khai thác mỏ thiếc Nậm Kép – Cao Bằng; hoàn thiện các thủ tục pháp lý và tổ chức khai thác hiệu quả tại các mỏ kẽm chì khu vực Thái Nguyên - Bắc Kạn;

- Tiếp tục triển khai và hoàn thiện công tác quản lý kỹ thuật mỏ - địa chất theo các quy định hiện hành. Bám sát các quy hoạch định hướng phát triển khoáng sản của Nhà nước, các bộ ngành để xây dựng, điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với



điều kiện của Vimico hiện nay và trong giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030.

- Nâng cao các chỉ tiêu công nghệ khai thác; giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo quặng. Kiểm soát các chỉ tiêu công nghệ khoan, nổ mìn, theo từng hộ chiếu, khu vực khai thác, tiết giảm chi phí các công đoạn khai thác từ khoan nổ đến xúc bốc, vận chuyển và nghiền tuyển.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp kỹ thuật trong mỏ hầm lò như: khoan thăm dò phục vụ khai thác, khoan trước gương. Tăng cường các giải pháp cơ giới hóa công tác xúc bốc, vận tải trong lò, áp dụng hệ thống và công nghệ khai thác hợp lý, phù hợp với điều kiện khai thác hầm lò, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân, nâng cao năng suất, sản lượng, giảm giá thành quặng nguyên khai.

- Tăng cường quản trị tài nguyên, áp dụng các giải pháp kỹ thuật trong khai thác chọn lọc, thu hồi tối đa tài nguyên bằng phương pháp lộ thiên giảm tỉ lệ tổn thất, làm nghèo để nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Nghiên cứu áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật công nghệ trong khai thác mỏ như: khoan - nổ mìn tạo biên, nâng cao góc dốc sườn tầng, bờ công tác... để nâng cao khả năng xuống sâu đáy mỏ của các mỏ lộ thiên, thu hồi thêm tài nguyên khoáng sản.

- Thực hiện các giải pháp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường: giải pháp trong nổ mìn giảm thiểu sóng chấn động, giải pháp đổ thải phân lớp giảm thiểu phát tán bụi...

- Thực hiện các giải pháp công nghệ, kỹ thuật trong thi công đường vận tải mỏ như: cứng bê tông hóa hoặc sử dụng vật liệu polime trong thi công mặt đường các tuyến đường vận tải cố định để nâng cao năng lực thông qua, giảm chi phí tiêu hao nguyên vật liệu trong khâu vận tải nhất là khi khai thác xuống sâu, cung độ xa, độ cao nâng tải lớn.

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật, công nghệ tăng nhanh tốc độ đào lò, nâng cao hệ số sử dụng lỗ khoan, áp dụng phương pháp nổ mìn tạo biên giảm hệ số thừa tiết diện. Để đảm bảo bảo đường lò ổn định giảm chi phí khoan nổ mìn, chống giữa, chèn lò. Thực hiện cơ giới hóa công tác khoan nổ mìn, vận tải và một phần khâu xúc bốc đất đá, quặng để cải thiện điều kiện làm việc, tăng năng suất lao động. Từng bước áp dụng các loại hình kết cấu công nghệ chống giữa tiến tiến: Neo kết hợp bê tông phun, bê tông phun lưới thép, bê tông phun sợi thép, bê tông cốt thép, vì chống thép hoặc các dạng kết cấu vì móc khá đơn giản trong thi công, góp phần nâng cao tốc độ thi công, an toàn và hiệu quả kinh tế so với các dạng kết cấu chống giữ truyền thống.

- Nghiên cứu lựa chọn, áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến phù hợp cho phần sâu mỏ đồng Sin Quyền, mỏ Vi Kẽm giai đoạn 2026 – 2030 nhằm đáp ứng nguồn nguyên liệu cho 2 nhà máy luyện hoạt động. Nghiên cứu, lựa chọn phương án hợp lý chuyển tiếp khai thác lộ thiên - hầm lò đối với mỏ đồng Sin Quyền và phần sâu toàn vùng Sin Quyền - Vi Kẽm để tổ chức XD CB, đưa vào khai thác giai đoạn 2026-2030.

#### *b. Công tác tuyển khoáng*

Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư nâng cấp, hoàn thiện công nghệ và thiết bị để phù hợp với đối tượng quặng đang bị nghèo dần. Tăng cường tự động hóa tại các khâu công nghệ, đặc biệt là tự động hóa khâu điều chỉnh chế độ công nghệ.



Đầu tư xây dựng kho chứa và bổ sung máy lọc tinh quặng sắt cho nhà máy tuyển đồng 1. Hoàn thiện khâu công nghệ tuyển thu hồi vàng trong quặng đuôi Nhà máy tuyển 1 bằng thiết bị tuyển trọng lực Knelson. Triển khai đưa vào sản xuất đối với khâu công nghệ tách quặng vàng tại Nhà máy tuyển 2. Hoàn thiện đưa xưởng tuyển xi của nhà máy luyện đồng số 2 vào sản xuất trong năm 2021. Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nâng cao thực thu tuyển tại xưởng tuyển quặng oxit chì Cúc Đường. Nghiên cứu các giải pháp giảm độ lẫn chì trong tinh quặng kẽm, kẽm trong tinh quặng chì. Đưa xưởng tuyển quặng thiếc - đồng Núi Pháo (công suất 30.000 tấn quặng nguyên khai/năm) vào sản xuất từ đầu quý II/2021.

Nghiên cứu công nghệ tuyển quặng oxit; nghiên cứu sử dụng các loại vật tư, thiết bị mới tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, thuận lợi trong vận hành, bảo dưỡng sửa chữa; đưa vào sử dụng các loại thuốc tuyển thân thiện với môi trường.

#### *c. Công tác luyện kim*

*Công nghệ luyện đồng:* Nhà máy luyện đồng số 1 công suất 10.000 tấn đồng cathode/năm sẽ tiếp tục được nghiên cứu và cải tiến để nâng cao năng suất, cải thiện tốt hơn các chỉ tiêu công nghệ để đạt được thực thu đồng ~ 97%, tăng 0,5%, tiêu hao nhiên liệu và năng lượng giảm 1÷ 3% so kỳ trước..., tiếp tục nghiên cứu và áp dụng để chất lượng đồng cathode đạt  $\geq 99,99\% \text{Cu}$ , tạo các sản phẩm mới như niken sulfat, đồng sulfat chất lượng cao, cải tiến tự động hóa vận hành khâu thủy luyện sản xuất kim loại quý, cải tiến công nghệ và thiết bị, vật liệu, nhiên liệu phù hợp, hiệu quả, thực hiện nâng cấp xử lý môi trường khí thải tốt hơn...; đối với Nhà máy luyện đồng số 2 công suất 20.000 tấn đồng cathode/năm nhanh chóng làm chủ kỹ thuật công nghệ để nâng tổng công suất hai nhà máy  $\geq 30.000$  tấn/năm, đạt được các chỉ tiêu thiết kế với việc ứng dụng các cơ cấu kỹ thuật mới và tiên tiến như: sản xuất khí ôxy chất lượng cao  $\geq 99,5\% \text{O}_2$  theo phương pháp phân ly, lò chuyển thổi luyện pha trộn ôxy, lò tinh luyện với thiết bị đốt dầu tiên tiến được cường hóa ôxy, tiêu hao nhiên liệu thấp, điện phân sử dụng tấm cực vĩnh cửu thay thế phương pháp sản xuất tấm môi, làm sạch dung dịch điện phân theo phương pháp mới điện tích Cyclon...

*Công nghệ luyện kẽm:* tiếp tục nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ mới, nâng cao năng suất và sản lượng, thu hồi các sản phẩm có ích đi kèm như đồng, cadimi, chì..., điều chỉnh cơ cấu sử dụng nguyên liệu bột kẽm oxit và tinh quặng sulfua trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bổ sung hệ thống thiết bị lò hơi mới để nâng cao hiệu suất sử dụng nhiệt, tiết kiệm năng lượng, cải tiến công nghệ và thiết bị, vật liệu, nhiên liệu ... phù hợp để giảm tiêu hao và chi phí.

*Công nghệ luyện gang thép:* tiếp tục thực hiện cải tiến và điều chỉnh cơ cấu, các giải pháp kỹ thuật để nâng cao năng lực sản xuất, làm chủ vận hành, cải thiện tốt hơn các chỉ tiêu kỹ thuật, đạt sản lượng 220.000 tấn phôi thép/năm, tăng 3% so kỳ trước, giảm tiêu hao than cốc 3 ÷ 5%, điện giảm 2 ÷ 3%, ổn định nguồn nguyên liệu quặng sắt, cơ cấu sản phẩm phôi thép phù hợp thị trường, tiếp tục cải tiến công nghệ và thiết bị, vật liệu, nhiên liệu ... để giảm tiêu hao và chi phí.

#### *d. Công tác cơ điện*

Tập trung sử dụng và khai thác hiệu quả máy móc, thiết bị hiện có tại các đơn vị. Điều phối hợp lý năng lực thiết bị giữa các đơn vị trong Tổng công ty, cũng như đầu tư bổ sung/thay thế nhằm đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng thiết bị cho sản xuất tại các đơn vị.



Triển khai các ứng dụng THH, TĐH trong SXKD và quản lý điều hành nhằm nâng cao hơn nữa năng lực quản lý, điều hành, tác nghiệp của Tổng công ty và các đơn vị. Chú trọng thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa đối với công đoạn khai thác hầm lò.

Áp dụng các giải pháp tiên bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực cơ điện nhằm gia tăng năng lực thiết bị và nâng cao hiệu quả sản xuất. Chú trọng trong xây dựng triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

Tăng cường công tác chế tạo các sản phẩm cơ khí và sử dụng vật tư phụ tùng trong nước thay thế vật tư phụ tùng nhập khẩu: phục vụ hiệu quả cho sản xuất tại các đơn vị. Phát triển nguồn nhân lực sửa chữa máy móc thiết bị và tăng cường đào tạo, tuyển dụng thợ sửa chữa có tay nghề cao; cũng như nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng lực tự sửa chữa. Đối với Công ty mẹ Tổng công ty xem xét thành lập Bộ phận sửa chữa tập trung tại Lào Cai nhằm chuyên môn hóa trong sửa chữa và sản xuất sản phẩm cơ khí.

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết và phương án vận hành máy móc thiết bị đối với các công đoạn sản xuất mới như: Công đoạn Khai thác hầm lò; Nhà máy luyện đồng 2.

## **6. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, kế toán; quản lý triệt để tài sản, nguồn vốn và đảm bảo cân đối dòng tiền**

### **a. Đối với Công ty mẹ**

Tiếp tục duy trì mô hình bán hàng tập trung, qua đó tập trung doanh thu, dòng tiền bán hàng, tập trung dòng tiền tài chính và đầu tư. Thực hiện phân cấp mạnh hơn cho các Chi nhánh thực hiện một số công việc đầu tư, bán hàng để tạo dựng quan hệ với các tổ chức tín dụng, qua đó xây dựng mô hình tài chính phân tán để dự phòng sử dụng trong trường hợp chính sách tài chính tiền tệ của Nhà nước thay đổi làm cho việc thực hiện mô hình tài chính tập trung không thực hiện được.

### **b. Đối với các công ty con**

Tiếp tục thông qua người đại diện phần vốn tại các công ty con đẩy mạnh hơn nữa việc cập nhật, xử lý những tồn tại, hạn chế về tài chính. Tiếp tục hỗ trợ các công ty con về tài chính thông qua các quan hệ, công cụ tài chính của Công ty mẹ đang sử dụng với các tổ chức tín dụng phù hợp với quy định từng thời kỳ. Tiếp tục điều tiết kết quả SXKD của công ty mẹ cũng như toàn Tổng công ty thông qua chính sách phân phối cổ tức hàng năm.

### **c. Về mô hình hạch toán**

Căn cứ thực tế khối lượng công việc, mô hình sản xuất, khoảng cách địa lý, đề xuất giữ nguyên việc hạch toán phân tán như hiện nay, các chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Tiếp tục thực hiện tiết giảm lao động qua việc tăng cường công tác ứng dụng CNTT trong công tác kế toán và lập báo cáo quyết toán tài chính thông qua việc đẩy mạnh triển khai ứng dụng và quản trị phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) giai đoạn 2 tại Công ty Mẹ và có thể định hướng phát triển cho cả các công ty con.

## **7. Tăng cường thực hành tiết kiệm, quản lý chặt chẽ chi phí, nhất là chi phí nhiên liệu, năng lượng, chi phí gián tiếp, phấn đấu hạ giá thành sản phẩm và minh bạch chi phí đầu**

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí, có xem xét đánh



giá, kiểm tra quá trình thực hiện và có cơ chế thưởng phạt rõ ràng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Xây dựng, kiện toàn hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật tiên tiến đối với tất cả các sản phẩm do Công ty mẹ - Tổng công ty và các công ty con sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào ở tất cả các công đoạn sản xuất. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện định mức tiêu hao, nhất là những vật tư tiêu hao với khối lượng và giá trị lớn.

Xây dựng và ban hành đơn giá các công đoạn sản xuất khoáng sản phù hợp với dây chuyền công nghệ để áp dụng, giao giá khoán chi phí, giá mua/bán nội bộ cho các đơn vị trong Tổng công ty. Thực hiện phương châm khoán đi đối với quán.

#### **8. Tập trung quản lý công tác tiêu thụ sản phẩm, mua bán nguyên vật liệu.**

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất, nhu cầu nguyên vật liệu, khả năng cung - cầu,... công tác tiêu thụ cần được tiến hành linh hoạt, đảm bảo lợi ích cao nhất của Tổng công ty. Trong giai đoạn 2021 - 2025, công tác tiêu sản phẩm, mua bán nguyên vật liệu được định hướng như sau :

- Về tiêu thụ sản phẩm: tiếp tục ký hợp đồng ổn định, lâu dài với TKV để tiêu thụ đồng tấm. Các sản phẩm khác của Công ty mẹ sản xuất: mở rộng và ổn định thị trường tiêu thụ axit; phát triển thương hiệu vàng VIMICO; tăng cường thị trường nội bộ tỉnh Quảng sát. Các sản phẩm do Công ty con sản xuất: tập trung tối đa về Tổng công ty để tạo lợi thế trong tiêu thụ sản phẩm.

- Về giá mua bán: xây dựng phương thức giá linh hoạt, phù hợp với thể giới và phù hợp với chuỗi tiêu thụ sản phẩm của khách hàng, phù hợp với các quy định của pháp luật. Phương thức giá bán phải đảm bảo sự tương thích cao nhất so với chuỗi bán hàng của mỗi khách hàng, đảm bảo sự hỗ trợ hiệu quả nhất giữa nhà sản xuất và nhà sử dụng.

- Về nghiên cứu, nhận định thị trường: đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho việc đánh giá, phân tích dự báo nhu cầu thị trường để Tổng công ty những quyết sách đúng đắn về tiêu thụ và thị trường ở từng thời điểm cho phù hợp.

- Về mua nguyên vật liệu: nhận định trong giai đoạn này, Tổng công ty và các đơn vị khó cân đối được nhu cầu nguyên liệu nên cần đẩy mạnh công tác mua ngoài các nguồn nguyên liệu (tinh quặng sắt, kẽm, đồng,...) để duy trì công suất các nhà máy luyện kim. Ngoài việc quan tâm thị trường trong nước cũng cần nghiên cứu, tiến tới nhập khẩu nguyên liệu (nhất là tinh quặng đồng, than coke).

- Một số giải pháp về thị trường:

- + Giữ vững hệ thống khách hàng truyền thống đã sử dụng những sản phẩm chính đồng tấm, kẽm thỏi, phôi thép...., của Tổng công ty trong suốt những năm qua, đặc biệt là những khách hàng tại khu vực phía Bắc. Đây là những khách hàng đã có nhiều năm gắn bó với sản phẩm của Tổng công ty và đã có những điều chỉnh về mặt công nghệ, kỹ thuật với thiết bị phù hợp với tính chất của đồng tấm, kẽm thỏi, phôi thép...., do Tổng công ty sản xuất.



+ Tiếp tục đẩy mạnh việc đưa các sản phẩm đồng tấm, kèm thời tới các khách hàng tiềm năng tại khu vực phía Nam. Đây là khu vực tập trung nhiều nhà máy sử dụng nguyên liệu sản xuất là đồng tấm như Cadivi, CFT, Ngô Han, Thịnh Phát..

+ Đối với tinh quặng sắt : Tinh quặng sắt tại khu vực Lào Cai (Mỏ Kíp Tước, mỏ Làng Vinh - Làng Cọ, tinh quặng sắt tại Sin Quyền) được tiêu thụ chủ yếu làm nguồn nguyên liệu sản xuất cho các nhà máy gang thép hoạt động trong tỉnh Lào Cai, hoặc cung cấp đổi hàng cho Công ty CP gang thép Cao Bằng.

+ Đối với Axit Sunfuaric: Tập trung tiêu thụ cho các nhà sản xuất trên cùng khu vực để sản xuất phân bón, phụ gia thức ăn chăn nuôi, gia vị... cần duy trì hệ thống khách hàng hiện tại cũng như cần thiết lập mối quan hệ dựa trên cơ sở ràng buộc lợi ích lẫn nhau và cùng được hưởng lợi, đồng thời xúc tiến ký kết các văn bản thỏa thuận, hợp đồng nguyên tắc dài hạn về việc mua/bán ổn định số lượng axit này với từng khách hàng

+ Đối với vàng, bạc: Tiêu thụ tại thị trường trong nước hoặc ngoài nước (nếu có đủ điều kiện theo quy định), hoặc có thể giao cho Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico trực tiếp phân kim, chế tác sản phẩm , tiêu thụ... phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Chi nhánh và Quy chế quản lý tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty.

- Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiêu thụ, mua bán hàng hóa:

+ Tiếp tục nâng cao và ổn định về chất lượng sản phẩm. Hiện tại chất lượng đồng tấm do Tổng công ty sản xuất ở mức 99,95 – 99,97 % Cu. Vì vậy, để gia tăng giá trị của sản phẩm, cạnh tranh với đồng nhập ngoại và tăng thị phần thì sản phẩm này cần được nâng cao hơn về chất lượng.

+ Triển khai các giải pháp đầu tư, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng tinh quặng sắt, chất lượng Axit Sunfuaric.

+ Đối với các sản phẩm còn lại như phôi thép, vàng, bạc đảm bảo chất lượng sản phẩm như hiện nay và xem xét nghiên cứu nâng cao hơn nếu điều kiện cho phép và có tính khả thi cao.

## **9. Quản lý sử dụng lao động hiệu quả, cải cách cơ chế tiền lương; sắp xếp, tinh giảm biên chế lao động nhất là đội ngũ quản lý, phục vụ**

### **a. Về quản lý sử dụng lao động**

Mục tiêu giai đoạn từ 2021-2025 lao động quản lý của toàn Tổng công ty không quá 13,6 % so với tổng số lao động. Lao động phục vụ, phụ trợ giảm đến mức tối thiểu.

Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật các ngành nghề; lao động kỹ thuật của các ngành chủ lực của Tổng công ty như luyện kim, chế tác kim loại, tuyển khoáng, khai thác mỏ, kỹ thuật sửa chữa các thiết bị cơ điện được đảm bảo với cơ cấu ngành nghề hợp lý đáp ứng yêu cầu cho sản xuất và phát triển lâu dài.

Tiếp nhận, sử dụng, bố trí lao động đúng ngành nghề đào tạo để phát huy sở trường và kinh nghiệm làm việc. Tạo những cơ hội tốt về thu nhập và khả năng phát triển. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động. Cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội. Có chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao đặc biệt là



đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, đối tượng lao động có nguyện vọng ngắn bó lâu dài với đơn vị...

*Cơ cấu lao động của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục 08 kèm theo.*

**b. Năng suất lao động và tiền lương**

Mục tiêu từ 2021-2025 năng suất lao động theo sản lượng tiêu thụ quy đổi tại Công ty mẹ - Tổng công ty tăng tối thiểu 5% mỗi năm. Tổng công ty chỉ đạo người đại diện quản lý vốn tại các Công ty cổ phần chi phối thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu tăng năng suất lao động trung bình không thấp hơn 5% mỗi năm.

Xây dựng cơ chế trả lương theo đặc thù ngành nghề SXKD, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội địa phương các vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục quan tâm đến chế độ đãi ngộ, đời sống tinh thần để người lao động yên tâm công tác, cống hiến. Nghiên cứu, xây dựng các cụm nhà ở tập thể cho người lao động tại địa phương.

Thực hiện lộ trình tăng tiền lương, thu nhập theo kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo mức tăng bằng hoặc hơn chỉ số lạm phát do Nhà nước công bố hàng năm, nhưng tối thiểu tăng 5%/năm. Tập trung kích thích tăng tiền lương đối với lao động công nghệ, lao động có chuyên môn cao, tay nghề giỏi...lao động một số nghề cần thu hút như luyện kim, hầm lò, sửa chữa cơ điện.

**10. Phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gồm nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân lực cho quản lý kỹ thuật - vận hành**

*\*Về đào tạo nghề cho công nhân kỹ thuật*

Tiếp tục chú trọng công tác tự đào tạo trong đơn vị theo hình thức thợ bậc cao đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ bậc thấp, hoặc cho CNKT mới tuyển dụng tại đơn vị. Đặc biệt khi tuyển dụng lao động có ngành nghề và trình độ phù hợp với nhu cầu của dự án hoặc yêu cầu của sản xuất, đưa vào làm việc tại các vị trí phù hợp và bố trí thợ lành nghề kèm cặp. Hàng năm tổ chức thi sát hạch, nâng cao tay nghề. Việc tuyển dụng để triển khai tự đào tạo phải ưu tiên lao động tại địa phương.

Ngoài tự đào tạo, để đáp ứng yêu cầu của sản xuất và các Dự án, Tổng công ty tiếp tục tập trung đào tạo và tuyển dụng tại các Trường, Trung tâm. Căn cứ trên số lượng lao động và ngành nghề cần tuyển dụng, Tổng công ty phối hợp với các Trường, Trung tâm dạy nghề ký hợp đồng tuyển sinh đào tạo với số lượng, ngành nghề, thời gian, chất lượng đào tạo và kinh phí cụ thể với hình thức Tổng công ty hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo hoặc Tổng công ty hỗ trợ 50% học viên chi trả 50%. Đối với trường hợp Tổng công ty hỗ trợ 100% kinh phí yêu cầu học viên có cam kết đảm bảo kết quả đào tạo phải đạt từ trung bình trở lên và làm việc tại đơn vị trong thời gian 5 năm, nếu không hoàn thành phải bồi hoàn kinh phí đào tạo. Phối hợp với nhà trường, trung tâm theo dõi quá trình đào tạo. Sau khi kết thúc chương trình đào tạo tổ chức kiểm tra, sát hạch lại trình độ người lao động, nếu đạt yêu cầu sẽ tuyển dụng.

Ngoài ra, Tổng công ty làm việc với Sở LĐTBXH tỉnh nơi triển khai dự án ký kết biên bản thỏa thuận về việc đào tạo và cung ứng CNKT cho Dự án trên cơ sở tỉnh chịu trách nhiệm về kinh phí đào tạo. Theo đó số lượng, ngành nghề và thời gian đào tạo, tuyển dụng phù hợp với nhu cầu của dự án. Tiết kiệm được chi



phí, sử dụng được nhiều lao động nơi triển khai dự án, giải quyết tốt mối quan hệ với địa phương.

*\*Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ kịp thời cho sự phát triển của Tổng công ty tại các địa bàn chiến lược; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, thực hiện các chính sách tốt hơn nữa với người lao động.*

Do đặc thù là vùng sâu, vùng xa nên các giải pháp thu hút nguồn nhân lực của Tổng công ty tại các vùng chiến lược ngoài những giải pháp chung đang thực hiện còn có những giải pháp riêng. Cụ thể như sau:

Liên kết với các trường đào tạo các chuyên ngành Tổng công ty đang có nhu cầu tuyển dụng, tổ chức các buổi giới thiệu về quy mô, lĩnh vực hoạt động và định hướng phát triển của Tổng công ty. Phối hợp với nhà trường trong việc tài trợ học bổng, khen thưởng các đề tài nghiên cứu khoa học xuất sắc của sinh viên. Tổ chức tuyển dụng trực tiếp tại trường hoặc tham gia Hội chợ việc làm sinh viên (ưu tiên các đối tượng là sinh viên từ các địa phương thuộc vùng chiến lược).

Đào tạo cán bộ nguồn tập trung vào đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có kinh nghiệm, sớm xuất hiện năng lực quản lý, chuyên môn vững, đạo đức tốt để phát triển thành cán bộ quản lý tại các đơn vị. Tạo điều kiện cho đội ngũ nhân lực chất lượng cao phát huy khả năng, có cơ hội thăng tiến. Thực hiện công tác luân chuyển các vị trí và môi trường làm việc theo hướng đa năng

Chú trọng quan tâm đến việc sử dụng lực lượng lao động tại chỗ. Người lao động địa phương có tay nghề, có khả năng phát triển đưa đi học tập nâng cao và có cơ chế hỗ trợ kinh phí. Xây dựng chính sách đào tạo cán bộ kỹ thuật là người địa phương.

Xây dựng kế hoạch đào tạo cho đối tượng công nhân và cán bộ kỹ thuật, quản lý phục vụ cho chiến lược chế biến sâu khoáng sản và xây dựng thương hiệu vàng Vimico.

Khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ vật chất để người lao động được đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, ngoại ngữ, các chuyên đề về quản lý kinh tế và kỹ thuật tại cơ sở.

**11. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động trong toàn Tổng công ty**

Trong giai đoạn tiếp theo, tiếp tục đẩy mạnh phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ theo hướng tự động hóa, tập trung làm chủ kỹ thuật công nghệ mới đối với các dự án đầu tư, tiếp tục cải tiến các nhà máy, hầm mỏ,... để ổn định sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD.

**12. Tăng cường công tác quản lý dự án đầu tư, đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư**

Tiếp tục phát huy những mặt đạt được và khắc phục những hạn chế trong công tác ĐTXD giai đoạn năm 2017-2020, để đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch ĐTXD giai đoạn năm 2021-2025 với tổng giá trị khối lượng đầu tư xây dựng giai đoạn 2021 - 2025 là 3.853.095 triệu đồng, toàn Tổng công ty tập trung thực hiện một số giải pháp sau đây:



- Tập trung chỉ đạo và huy động mọi nguồn lực, biện pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm, công trình lớn của Tổng công ty như: Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai; Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai ....

- Rà soát tổng thể các dự án nhóm A, B đang trong giai đoạn thực hiện dự án đã và đang chậm tiến độ so với quyết định đầu tư ban đầu; tham mưu các giải pháp cụ thể để giải quyết dứt điểm các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án nhằm bảo đảm quy mô công suất, cũng như hiệu quả của dự án.

- Làm tốt công tác quy hoạch sử dụng đất, tập chung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng.

- Tăng cường đề cao vai trò công tác kiểm tra và thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong toàn Tổng công ty, đặc biệt là việc rà soát trình tự và thủ tục đầu tư đối với các dự án đã và đang thực hiện. Tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư.

### **13. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ; phòng chống tham nhũng, lãng phí**

Để đảm bảo cho hoạt động SXKD trong Tổng công ty đúng pháp luật; với phương châm phòng ngừa là chính, giảm thiểu các sai phạm, đạt các mục tiêu ổn định và phát triển bền vững, hàng năm Tổng công ty và các đơn vị cơ sở xây dựng Kế hoạch tự thanh, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tập trung vào các lĩnh vực có nhiều dư luận hoặc dễ nảy sinh tiêu cực, tham nhũng, lãng phí như quản lý đầu tư; công tác thuê ngoài, quản lý và mua bán vật tư, thiết bị, tài sản; quản trị chi phí, tài nguyên, kiểm soát các chỉ tiêu công nghệ, chất lượng sản phẩm, ...

Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy định về xung đột lợi ích; kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ; gắn công tác kiểm tra, giám sát với công tác hướng dẫn hỗ trợ các công ty con, đơn vị trực thuộc.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ chế quản lý nội bộ của Tổng công ty nhằm phòng ngừa tham nhũng, khắc phục những bất cập, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao vai trò kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình đảm bảo công khai, minh bạch trong đó rà soát, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, tập trung các lĩnh vực đầu tư; tài chính; mua bán vật tư, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa; quản trị rủi ro; kiểm soát các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, quản lý thiết bị; công tác cán bộ... phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty, đơn vị.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng kế hoạch và thực hiện phòng chống tham nhũng, công khai minh bạch về tài chính, thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản theo quy định... Nâng cao ý thức tiết kiệm của NLĐ trong mọi hoạt động tại cơ quan, đơn vị, sử dụng tiết kiệm và không gây lãng phí các tài sản được cấp phát, sử dụng đúng mục đích những tài sản chung của Tổng công ty. Tăng cường áp dụng công nghệ mới, công nghệ thông tin trong toàn bộ các khâu khai thác - tuyển khoáng - luyện kim - cơ điện và công tác điều hành nhằm nâng cao hiệu quả SXKD. Đẩy mạnh các biện pháp



khoản quản trị chi phí, áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp nghiệp vụ vào SXKD.

Tăng cường phối hợp, chủ động công khai, kịp thời cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền về PCTN, chú trọng thông tin tuyên truyền về gương người tốt, việc tốt, các giải pháp phòng ngừa tham nhũng trên hệ thống thông tin, tuyên truyền của Tổng công ty và các đơn vị; Chủ động lựa chọn nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với thực tế hoạt động của đơn vị, đảm bảo hiệu quả và thiết thực.

## **VII. Dự kiến kết quả đạt được sau khi tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025**

### **1. Về mô hình tổ chức**

Dự kiến sau khi hoàn thành tái cơ cấu, mô hình tổ chức của Tổng công ty như sau:

\* **Công ty mẹ - Tổng công ty:** gồm Cơ quan Tổng công ty và 03 đơn vị trực thuộc:

- Cơ quan Tổng công ty: 12 phòng, ban chức năng
- Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico
- Chi nhánh Mở tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico
- Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai – Vimico

#### **\* Công ty con CP chi phối:**

- Công ty CP KLM Thái Nguyên – Vimico
- Công ty CP Gang thép Cao Bằng.
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- Công ty CP Khoáng sản 3
- Công ty CP đất hiếm Lai Châu

### **2. Về quản trị doanh nghiệp và hiệu quả SXKD**

Sau tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty phải đạt được các mục tiêu, nội dung cần thực hiện như trong đề án đã nêu. Các kết quả cụ thể là:

- Kết quả SXKD chủ yếu:
  - + Doanh thu: 44.259 tỷ đồng, tăng 60% so với giai đoạn 2016 -2020. Mức tăng trưởng bình quân 8,83% năm;
  - + Lợi nhuận: 1.347 tỷ đồng, tăng gấp 1,48 lần so với giai đoạn 2016-2020;
  - + Nộp ngân sách: 5.165 tỷ đồng
  - + Tiền lương bình quân: 10,404 trđ/người/tháng
  - + Cổ tức: dự kiến tỷ lệ chi cổ tức 10%.
  - + Các hệ số tài chính cuối 2025: hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu: 2,08; tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu: 20,5%.

- Xây dựng và ban hành được các nguyên tắc để quản trị doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu của Tổng công ty, bao gồm tất cả các lĩnh vực quản trị từ kế hoạch thực hiện, quy trình kiểm soát nội bộ cho đến việc đo lường, đánh giá hiệu quả và việc công bố thông tin.

- Cơ cấu, chất lượng lao động trong toàn TCT đã được đổi mới, tổng số lao động của toàn Tổng công ty đạt 4.551 người, trong đó lao động quản lý của toàn Tổng công ty không quá 13.6 % trên tổng số lao động so với tỷ lệ 16.5% của năm 2020. Lao động phục vụ, phụ trợ giảm đến mức tối thiểu. Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật các ngành nghề; lao động kỹ thuật của các ngành chủ lực của Tổng công ty như luyện kim, chế tác kim loại, tuyển khoáng, khai thác mỏ, kỹ thuật sửa chữa



các thiết bị cơ điện được đảm bảo với cơ cấu ngành nghề hợp lý đáp ứng yêu cầu cho sản xuất và phát triển lâu dài.

- Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ từ khâu khai thác - tuyển khoáng - luyện kim - cơ điện đi vào nề nếp, tuân thủ các quy định hiện hành, đảm bảo môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản; các Nhà máy tuyển khoáng, luyện kim được nâng cao hơn nữa về mức độ tự động hóa, công nghệ được cải tiến, chính định góp phần năng cao hơn nữa thực thu, chất lượng sản phẩm, thu hồi thêm các khoáng sản có ích, giảm tiêu hao các nguyên vật liệu, vật tư chính.

- Chủ động trong công tác tài chính, đảm bảo thu hồi toàn bộ công nợ nội bộ, thu xếp đủ vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất cũng như đầu tư trong toàn Tổng công ty, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính yêu cầu như hệ số nợ, khả năng thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh...

- Đưa các dự án trọng điểm như : Dự án Mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai (Giai đoạn I); Dự án Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai; Dự án Cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Dự án Khai thác chế biến quặng đất hiếm Đông Pao, Lai Châu vào hoạt động có hiệu quả, qua đó đóng góp tích cực vào quy mô tăng trưởng của Tổng công ty.

- Phát triển thương hiệu vàng VIMICO, từng bước hình thành sàn giao dịch kim loại và đưa thêm các cơ sở chế biến sâu sản phẩm sau luyện kim vào hoạt động.

- Đảm bảo đáp ứng đủ nguồn nguyên liệu cho các Nhà máy tuyển khoáng, luyện kim.



### **CHƯƠNG III:**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ**

### **I. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Tổ chức triển khai thực hiện Đề án**

- Báo cáo TKV thông qua Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 để trình ĐHĐCĐ Tổng công ty năm 2021 thông qua (Dự kiến trong tháng 4/2021).

- Sau khi Phương án án được ĐHĐCĐ Tổng công ty thông qua và HĐQT Tổng công ty quyết định phê duyệt, thành lập Ban chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án để chỉ đạo, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tái cơ cấu tổ chức, quản lý của Tổng công ty theo Đề án được phê duyệt.

- Người đại diện quản lý của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết có trách nhiệm chính trong việc tổ chức triển khai thực hiện theo nội dung và lộ trình đã được phê duyệt của đơn vị mình.

### **II. Đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**

- Đề nghị TKV sớm xem xét thông qua Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 để Tổng công ty tổ chức triển khai thực hiện đúng lộ trình.

- Đề nghị TKV báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch vùng khoáng sản tập trung tại một số khu vực như: quặng đồng tại Lào Cai, Yên Bái; quặng chì kẽm tại Thái Nguyên, Bắc Cạn; quặng sắt tại Cao Bằng giao cho Tổng công ty và các đơn vị thành viên quản lý, đầu tư khai thác phục vụ cho các cơ sở chế biến đã được đầu tư.

- Đề nghị TKV tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ Tổng công ty trong công tác tiêu thụ ổn định đồng tấm, phôi thép, sản phẩm sau luyện kim, thu xếp vốn đầu tư, phát triển tài nguyên, mua bán nguyên liệu,... để Tổng công ty có đủ các nguồn lực phát triển bền vững.

- Đề nghị TKV báo cáo các cấp thẩm quyền tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong các công tác: phát triển tài nguyên, cấp GPHĐKS, chính sách thuế phí, chính sách GPMB, xuất nhập khẩu tinh quặng đất hiếm, tinh quặng đồng,...

#### **2. Đối với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền**

Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, việc áp dụng thoái vốn theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP và Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về việc sửa đổi Nghị định 91/2015/NĐ-CP không áp dụng đối tượng là Tổng công ty. Đề nghị có quy định, chính sách thoái vốn đối với các doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng/hoặc đang có lỗ lũy kế (là những doanh nghiệp Tổng công ty có kế hoạch thoái vốn song không thể thực hiện do đang gặp vướng mắc về cơ chế như trên).



**PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP TRỮ LƯỢNG, TÀI NGUYÊN CÁC MỎ KHOÁNG SẢN**

STT	Tên mỏ	Trữ lượng, công suất mỏ theo GPKT			Tài nguyên, trữ lượng còn lại khu mỏ tính đến ngày 31/12/2020				
		Đơn vị tính	Trữ lượng	Công suất	Đơn vị tính	Tổng TL trong ranh cấp phép	Tổng TL toàn khu mỏ	Tổng tài nguyên	Tổng TL, TN khu mỏ
1		2	3	4	5	6	7	8	9 = 7+8
<b>I. CÁC MỎ ĐANG KHAI THÁC</b>									
<b>I.1. Khoáng sản đồng</b>						176.272	404.595	116.005	520.600
1	Mỏ đồng Sin Quyền	tấn Cu	198.103	1.341.838 - 2.000.000 tấn quặng /năm	Tấn Cu	137.168	365.491	78.988	444.479
2	Mỏ đồng Vi Kẽm	tấn Cu	39.104	2.900 tấn Cu/năm	Tấn Cu	39.104	39.104	37.017	76.121
						244.351	244.351	254.582	498.932
<b>I.2. Khoáng sản chì kẽm</b>									
3	Mỏ kẽm chì Chợ Diên	tấn Pb+Zn	362.892	100.000 tấn quặng (Zn+Pb)	Tấn (Zn+Pb)	146.825	146.825	199.336	346.161
4	Mỏ kẽm chì Lang Hít	tấn quặng (Zn+Pb)	614.981	30.000 tấn quặng (Zn+Pb)	Tấn (Zn+Pb)	66.358	66.358	18.245	84.603
5	Mỏ kẽm chì Cúc Đường	tấn quặng (Zn+Pb)	579.652	40.000 tấn quặng (Zn+Pb)	Tấn (Zn+Pb)	31.168	31.168	37.001	68.168
						1.320	1.320	3.428	4.748
<b>I.3. Khoáng sản thiếc</b>									
6	Mỏ thiếc Tĩnh Túc (khu Tây của mỏ)	tấn Sn	1.108	146 tấn caxiterit/năm	tấn Sn	61	61	445	506
7	Mỏ thiếc Tĩnh Túc (khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập lục Phần)	tấn Sn	398	450.000 tấn đất quặng/năm	tấn Sn			226	226



8	Mỏ thiếc Núi Pháo	Tấn quặng thiếc	245.750 (tương ứng 1.259 tấn Sn)	9.900-29.700 tấn quặng	Tấn Sn	1.259	1.259	2.757	4.016
<b>I.4. Khoáng sản sắt</b>						<b>22.474.633</b>	<b>36.842.455</b>	<b>4.470.277</b>	<b>41.312.732</b>
9	Mỏ sắt Nà Rủa	tấn quặng	9.625.000	350.000 tấn quặng/năm	tấn quặng	8.219.000	15.301.503	1.317.474	16.618.977
10	Mỏ sắt Nà Lũng	tấn quặng	9.986.984	150.000 tấn quặng/năm	tấn quặng	929.344	1.608.344	334.000	1.942.344
11	Mỏ sắt Kíp Tước	tấn quặng	1.301.000	121.000 tấn quặng/năm	tấn quặng	403.000	403.000	621.803	1.024.803
12	Mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ	tấn quặng	14.710.502	480.000 tấn /năm	tấn quặng	12.923.289	19.529.608	2.197.000	21.726.608
<b>I.5. Khoáng sản khác</b>							-	-	-
13	Mỏ đất hiếm Đông Pao	Tấn TR2O3	1.079.524	39.872 tấn Tr2O3	Tấn TR2O3	1.079.524	1.772.356	2.091.136	3.863.492
		Tấn Barit	4.211.248	152.284 tấn Barit	Tấn Barit	4.211.248	10.232.216	9.846.775	20.078.991
		Tấn Fluorit	6.044.077	216.551 tấn Fluori	Tấn Fluorit	6.044.077	7.404.259	3.792.475	11.196.734
14	Mỏ đá quý (ruby – saphir) Đồi Tỷ - Khe Mét	Kg	241,08	50kg/năm	Đá quý	229,03	229,03	241,08	470,10
<b>II. CÁC MỎ KHOÁNG SẢN ĐÃ THẨM DÒ</b>							-	-	-
1	Mỏ thếc Nậm Kép, Cao Bằng	Đang lập Dự án đầu tư			Tấn Sn		2.405	1.080	3.485



**PHỤ LỤC 03: HIỆN TRẠNG NGUỒN LỰC ĐẤT ĐAI**

TT	Số hiệu thửa đất	Số hiệu tờ bản đồ	Địa chỉ thửa đất	Diện tích đất (m2)	Hiện trạng
1	2	3	4	5	6
I	Công ty mẹ - Tổng công ty				
A. Đất tại Lào Cai				4.141.861	
1. Đất hiện đang sử dụng của Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền				3.311.144	Sử dụng cho nhà máy tuyển đồng Lào Cai
1	Đất XN liên doanh đồng Lào Cai cũ chuyển sang	Xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	178.257	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm khai trường khu tây - Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền.	
2	Quyết định số: 375/QĐ - UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh Lào Cai	Xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	504.150	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm bãi thải đá số 1+13 - Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	
3	Quyết định số: 375/QĐ - UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh Lào Cai	Xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	694.120	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm bãi thải đá số 2 - Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	
4	Quyết định số: 376/QĐ - UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh Lào Cai	Xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	555.550	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm bãi thải quặng đuôi số 1 - Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	
5	Quyết định số: 3751/QĐ - UBND ngày 10 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Lào Cai	Xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	296.297	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm bãi thải quặng đuôi số 1 - Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	
6	Quyết định số: 375/QĐ - UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh Lào Cai	Xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	338.000	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm khai trường khu đông – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	



7	Quyết định số: 376/QĐ - UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh Lào Cai		Xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	505.580	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm khai trường khu tây – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền
8	Quyết định số: 376/QĐ - UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh Lào Cai		Xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	80.250	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm khu xường tuyển – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền
9	Quyết định số: 376/QĐ - UBND ngày 26 tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh Lào Cai		Xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	109.100	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm nhà kho và phân xưởng Cơ điện – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền
10	Quyết định số: 375/QĐ - UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh Lào Cai		Xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	40.640	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm văn phòng – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền
11	Quyết định số: 375/QĐ - UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh Lào Cai		Xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	9.200	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm khu tập thể CBCNV – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền
<b>2. Đất hiện đang sử dụng của Công ty luyện đồng Lào Cai</b>				<b>286.919</b>	Sử dụng cho nhà máy luyện đồng Lào Cai
12	Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000350 do UBND tỉnh Lào Cai cấp ngày 19/11/2012		Xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	82.391	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Xây dựng bãi thải rắn Công ty Luyện đồng Lào Cai
13	Quyết định thuê đất số 2988/QĐ-UBND ngày 18/11/2004 của UBND tỉnh Lào Cai		Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	186.938	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm Nhà máy luyện đồng Lào Cai
14	113	P6-23	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	17.590	- Thuê đất trả tiền hàng năm - Sử dụng làm nhà ở CB CNV Công ty Luyện đồng Lào Cai



3. Đất làm văn phòng chi nhánh VIMICO tại Lào Cai				1.333	
15	2	P16-21	phố Bờ Sông, phường Phố Mới, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai	464	Đang sử dụng làm Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty
16	33	P16-22	phố Đinh Bộ Lĩnh, phường Phố Mới, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai	419	
17	2	P16-23	phố Đinh Bộ Lĩnh, phường Phố Mới, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai	450	
4. Đất thực hiện dự án mở rộng và nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai				542.465	
18	Hợp thuê đất số 55/HĐTD ngày 24/6/2016		xã Bàn Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	542.465	Đã ký Hợp thuê đất số 55/HĐTD ngày 24/6/2016, hiện Tổng công ty đang tiến hành triển khai các hạng mục đầu tư của dự án
B. Đất tại Hà Nội				5.284	
19	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 888842 ngày 19/3/2014 do UBND TP Hà Nội cấp		số 193 Nguyễn Huy Tường – P. Thanh Xuân Trung – Q. Thanh Xuân - Hà Nội	2.524	Đang sử dụng làm Văn phòng làm việc cho Cơ quan Tổng công ty, Chi nhánh đá quý Việt Nhật và cơ sở sản xuất của Chi nhánh
20	284	4	số 562 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, TP Hà Nội	2.760	Đang sử dụng làm văn phòng làm việc.
C. Đất thực hiện dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai				4.934.641	Đang thực hiện bồi thường GPMB, cấp Giấy CNQSDĐ, ký HĐ thuê đất
D. Đất thực hiện dự án khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai				173.940	Đang thực hiện bồi thường, GPMB, cấp Giấy CNQSDĐ, ký HĐ thuê đất (theo dự án là 687.440 m2, tuy nhiên thực hiện bồi thường GPMB diện



				<i>tích đất khu Sân công nghiệp: 173.940 m2)</i>
<b>Tổng cộng:(A+B+C+D)</b>			<b>9.255.726</b>	
<b>II</b>	<b>Công ty CP đất hiếm Lai Châu – Vimico: 375.492 m2</b>			
1	Giấy chứng nhận QSDĐ BA 778596 ngày 14/7/2011; sổ bìa nhà tập thể: BA 778595 ngày 14/7/2011	Thị Trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu Châu	15.176	Hiện đang sử dụng làm nhà văn phòng công ty
2	Đất thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu phần mỏ tuyển	Mỏ đất hiếm Đông Pao, xã Bản Hòn, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	3.850.000	Đang thực hiện đền bù, GPMB để thực hiện dự án
<b>III</b>	<b>Công ty CP Khoáng sản 3-Vimico: 239.052 m2</b>			
1	QĐ số 1450/QĐ-UB ngày 13/10/1993 UBND tỉnh Lào Cai	Khu tập thể Công ty, Địa chỉ: Ngõ Nhạc Sơn, phường Duyên Hải, TP Lào Cai	900	Hiện làm Khu tập thể Công ty
2	QĐ số 3354/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 UBND TP Hà Nội	Trụ sở cũ của Công ty. Địa chỉ: Xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, TP Hà Nội	3.624	Hiện đang là Văn phòng công ty
3	QĐ số 1865/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 UBND tỉnh Lào Cai	Mỏ sắt Kíp Tước. Địa chỉ: Xã Hợp Thành, TP Lào Cai	132.888	Hiện là khai trường Mỏ sắt kíp tước
4	QĐ số 2209/QĐ-UBND ngày 3/8/2006 UBND tỉnh Phú Thọ	Mỏ kaolin Hang Dơi. Địa chỉ: Xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	100.140	Mỏ kaolin Hang Dơi
<b>IV</b>	<b>Công ty CP gang thép Cao Bằng: 988.503 m2</b>			
1	QĐ số 584/QĐ-UBND ngày 20/4/2010	Xóm Khuổi Sáo, Xã Chu Trinh, tp Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	795.400	Khu liên hợp gang thép Cao Bằng
2	QĐ số 1893/QĐ-UBND ngày 25/11/2014	Xã Chu Trinh, tp Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	4.017,8	Hệ thống cấp nước ngoài hàng rào
3	QĐ số 142/QĐ-UBND ngày 21/01/2011	Khu Mỏ muối, phường Tân Giang, tp Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	13.062	Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa Công ty Cổ



4	QĐ số 1718/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	Khu vực Nà Rụa, phường Tân Giang, tp Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	174.968	phần Gang thép Cao Bằng
5	QĐ số 2038/QĐ-UBND ngày 14/11/2019	Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, tp Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	1.056,5	Nhà trụ sở và văn phòng cho thuê, tại Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
<b>V</b>	<b>Công ty CP kim loại màu Thái Nguyên – Vimico: 1.445.586 m<sup>2</sup></b>			
	<b>Công ty mẹ</b>			
1	QĐ số 1882/QĐ-UBND ngày 27/7/2011; 1882/UB-QĐ ngày 27/7/2011; 1532/UB-QĐ ngày 21/6/2011	Tổ 6 phường Phú xá, TP Thái Nguyên	86.658	- Trụ sở công ty; - Phân xưởng luyện kim màu 1
2	QĐ số 2272/UB-QĐ ngày 01/8/2002	Phường Tân Lập, TP Thái Nguyên	16.936	Khu tập thể, nhà sinh hoạt công nhân, sân bóng
3	Quyết định số 123/QĐ-UB ngày 29 tháng 01 năm 1997	Phường Tân Thành, TP Thái Nguyên	83.627	Phân xưởng luyện kim màu 2
4	Quyết định số 123/QĐ-UB ngày 29 tháng 01 năm 1997	Phường Bách Quang, TP Sông Công	98.019	Nhà máy kẽm
5	Quyết định số 467/UB-QĐ ngày 27/11/1991	Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, Thái Nguyên	15.200	Xí nghiệp thiếc Đại Từ
6	- QĐ số 2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2013; 179/QĐ-UBND ngày 10/11/1999; 2025/QĐ-UBND ngày 10/10/2013	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	186.185	Xí nghiệp chì kẽm làng Híc
7	QĐ số 3153/QĐ-UBND ngày 16/11/2015; 3540/QĐ-UBND ngày 16/12/2015	Xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	225.098	Mỏ chì kẽm Cúc Đường
8	QĐ số 4032/QĐ-UBND ngày 05/3/2009; 332/QĐ-UBND ngày 05/3/2009	xã Bàn Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	733.863	Mỏ kẽm chì Chợ Đồn Bắc Kạn
<b>VI</b>	<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản &amp; Luyện kim Cao Bằng: 1.540.394 m<sup>2</sup></b>			



1	QĐ số 1156/QĐ-UBND ngày 13/8/2014; 96/QĐ- UBND ngày 1/2/2012	Thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.	19.979	- Xưởng luyện ferro; - Lò luyện ferro.
2	QĐ số 1261 và 1414/QĐ- UBND ngày 5/10/2012	Xã Bắc Hợp, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.	31.149	Nhà máy thủy điện Tà Sa
3	QĐ số 1259/QĐ-UBND ngày 5/10/2012	Xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.	44.387	Nhà máy thủy điện Na Han
4	QĐ số 1413/QĐ-UBND ngày 05/10/2012	Xã Trung Lương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.	24.833	Nhà máy thủy điện Nà Ngàn
5	QĐ số 1795/QĐ-UBND ngày 26/9/2007	Phường Hòa Chung, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	6.252	Khu nhà khách và tập thể CBCNV
6	QĐ số 2122/QĐ-UBND ngày 23/12/2014	Phường Duyệt Chung, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	19.960	Nhà ở CBCNV
7	QĐ số 1160/QĐ-UBND ngày 13/8/2014; 1158/QĐ-UBND ngày 13/8/2014; 1155/QĐ- UBND ngày 13/8/2014; 1256/QĐ-UBND ngày 26/7/2016	Thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.	168.245	- Văn phòng công ty; - Cơ sở sản xuất: Mỏ thiếc Tĩnh Túc
8	QĐ số 1623/QĐ-UBND ngày 6/9/2002 và QĐ số: 365/QĐ-UBND ngày 24/3/2017	Phường Duyệt Chung, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	87.941	Thân quặng 3A, 3B mỏ sắt Nà Lũng
9	QĐ số 2146/QĐ-UBND ngày 6/9/2004	Phường Duyệt Chung, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	292.300	Thân quặng số 1 tại mỏ sắt Nà Lũng
10	QĐ số 1261/QĐ-UBND ngày 19/7/2002	Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	644	Khu văn phòng làm việc của Công ty
11	QĐ số 1217/QĐ-UBND ngày 6/9/2004	Phường Duyệt Chung, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	106.000	Mỏ sắt Nà Lũng (khu đập 4)



12	QĐ số 2463/QĐ-UBND ngày 17/11/2011	Thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.	665.000	Mô thiếc Tĩnh Túc
13	QĐ số 1429/QĐ-UBND ngày 10/7/2003	Phường Duyệt Chung, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	23.000	Mô sắt Nà Lũng (khu thân quặng 2)
14	QĐ số 1510/QĐ-NĐ-UB ngày 27/9/1999	Xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.	49.794	Nhà máy thủy điện Bản Pát
15	QĐ số 2611/QĐ-UBND ngày 7/11/2003	Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	330	Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại
16	QĐ số 446/QĐ-UBND ngày 07/3/1997	phường Quán Triều - thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên	580	Trạm tiếp liệu



## PHỤ LỤC SỐ 2

### HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN, KHOÁNG SẢN/NGUỒN LỰC

#### I. Công ty mẹ - Tổng công ty

**1. Mô đồng Sin Quyền:** Trữ lượng địa chất trong ranh giới cấp phép khai thác 17.291.838 tấn quặng (tương đương 198.103 tấn kim loại đồng). Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất của toàn mô (trong và ngoài ranh giới cấp phép) đến 31/12/2020 là: 444.479 tấn kim loại đồng, trong đó tổng trữ lượng là 365.491 tấn kim loại đồng. Trữ lượng còn lại trong ranh giới cấp phép khai thác đến 31/12/2020 là: 137.168 tấn kim loại đồng. Công suất từ 1,34 đến 2,0 triệu tấn quặng địa chất/năm (tương ứng với 15.660 đến 22.163 tấn Cu kim loại/năm). Thời hạn còn lại của giấy phép khai thác 7 năm. Hiện đang khai thác theo công suất của giấy phép.

Tổng trữ lượng tài nguyên hiện tại của mô đã bao gồm kết quả phê duyệt Báo cáo thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng phần sâu -600m, với tổng trữ lượng được phê duyệt là 172.703 tấn đồng kim loại.

**2. Mô đồng Vi Kẽm:** Tổng trữ lượng, tài nguyên của mô đến 31/12/2020 là: 11.215.555 tấn quặng (tương đương 76.121 tấn kim loại đồng). Tổng trữ lượng được phép huy động vào dự án là 5.154.210 tấn quặng tương đương 39.140 kim loại đồng. Trữ lượng khai thác theo giấy phép cấp là: 4.345.459 tấn quặng (tương ứng với 35.085 tấn kim loại đồng). Công suất khai thác 106.120 đến 313.165 tấn quặng/năm. Thời hạn còn lại của giấy phép khai thác 16 năm. Hiện mô đang xây dựng cơ bản.

#### II. Các Công ty con cổ phần chi phối

##### 1. Công ty CP KLM Thái Nguyên - Vimico

**1.1. Mô kẽm - chì Chợ Điện:** Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất của toàn mô đến 31/12/2020 là: 346.161 tấn (Zn+Pb), trong đó tổng trữ lượng là 146.825 tấn (Zn+Pb). Trữ lượng còn lại trong ranh giới cấp phép khai thác đến 31/12/2020 là: 146.825 tấn (Zn+Pb). Công suất 100.000 tấn quặng (Zn+Pb)/năm. Thời hạn khai thác không giới hạn. Hiện tại mô đang khai thác, trình hồ sơ xin cấp chuyển đổi giấy phép khai thác.

**1.2. Mô kẽm - chì Làng Hít:** Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất của toàn mô đến 31/12/2020 là: 84.603 tấn (Zn+Pb), trong đó tổng trữ lượng là 66.358 tấn (Zn+Pb). Trữ lượng còn lại trong ranh giới cấp phép khai thác đến 31/12/2020 là: 66.358 tấn (Zn+Pb). Công suất trung bình 30.000 tấn quặng (Zn+Pb)/năm. Thời hạn còn lại của giấy phép khai thác 22 năm. Hiện mô đang khai thác theo công suất của giấy phép mới.

**1.3. Mô kẽm - chì Cúc Đường:** Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất của toàn mô đến 31/12/2020 là: 68.168 tấn (Zn+Pb), trong đó tổng trữ lượng là 31.168 tấn (Zn+Pb). Trữ lượng còn lại trong ranh giới cấp phép khai thác đến 31/12/2020 là: 31.168 tấn (Zn+Pb). Công suất trung bình 40.000 tấn quặng (Zn+Pb)/năm. Thời hạn còn lại của giấy phép khai thác 9 năm. Hiện mô đang khai thác theo công suất của giấy phép.

**1.4. Mô thiếc Tây Nam Núi Pháo:** Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất của toàn mô đến 31/12/2020 là: 4.016 tấn Sn trong đó tổng trữ lượng là 1.259 tấn Sn. Trữ lượng còn lại trong ranh giới cấp phép khai thác đến 31/12/2020 là: 1.259 tấn Sn. Công suất trung bình 5.084-29.700 tấn quặng /năm. Thời hạn còn lại của giấy phép khai thác 11 năm. Hiện mô đang khai thác theo công suất của giấy phép.

##### 2. Công ty CP Gang thép Cao Bằng

Mỏ sắt Nà Rua: Tổng trữ lượng, tài nguyên khu mỏ theo Báo cáo thăm dò được phê duyệt là: 18.028.354 tấn quặng (cấp 121+122 = 16.707.536 tấn quặng; cấp 333 =



1.320.818). Trữ lượng được cấp phép khai thác là: 9.625.000 tấn quặng, công suất 350.000 tấn QNK/năm. Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất còn lại của khu mỏ đến 31/12/2020 là: 15.301.503 tấn quặng, trong đó trữ lượng cấp phép khai thác còn lại đến 31/12/2020 là: 8.219.000 tấn quặng. Thời hạn còn lại của giấy phép khai thác 9 năm.

Hiện nay, Công ty đang tổ chức khai thác khu Nam và kết thúc khu Nam năm 2021. Từ năm 2020 đang triển khai công tác bồi thường GPMB, tái định cư và chuẩn bị XDCB khu Bắc của mỏ để có quặng cung cấp cho Khu liên hợp gang thép cuối năm 2022. Việc đẩy nhanh tiến độ XDCB, tổ chức khai thác khu Bắc đảm bảo đủ quặng cho khu liên hợp là rất cấp thiết, hiện tại Công ty gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là nguồn vốn và tổ chức công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

### **3. Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng**

#### **3.1. Mỏ sắt Nà Lũng:**

Tổng trữ lượng tài nguyên địa chất đến 31/12/2020 là: 1.942.344 tấn quặng Fe, trong đó tổng trữ lượng là 1.608.344 tấn quặng Fe. Trữ lượng còn lại trong ranh giới cấp phép khai thác đến 31/12/2020 là: 929.344 tấn quặng Fe. Thời hạn còn lại của giấy phép khai thác 6 năm.

#### **3.2. Mỏ thiếc Tĩnh Túc:**

Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất của toàn mỏ đến 31/12/2020 là: 534 tấn Sn trong đó tổng trữ lượng là 506 tấn Sn. Trữ lượng còn lại trong ranh giới cấp phép khai thác đến 31/12/2020 là: 61 tấn Sn. Giấy phép khai thác đã hết hạn năm 2018. Đến nay, Công ty đã thực hiện xong công tác đóng cửa mỏ được phê duyệt ngày 9/02/2021.

#### **3.3. Khu bãi thải Thập Lục Phần:**

Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất của toàn mỏ đến 31/12/2020 là: 530,1 tấn quặng thiếc (398 tấn Sn). Ngày 24/12/2020, mỏ đã được UBND tỉnh Cao Bằng cấp phép khai thác tận thu, hiện tại mỏ đang khai thác theo giấy phép. Thời hạn còn lại của giấy phép khai thác 5 năm.

#### **3.4 Mỏ thiếc Nậm Kép:**

Tổng trữ lượng, tài nguyên khu mỏ được phê duyệt là: 3.487 tấn Sn, trong đó cấp trữ lượng cấp 122 là 2.405 tấn Sn, tài nguyên cấp 333 là 1.080 tấn Sn. Hiện tại mỏ đang triển khai lập dự án đầu tư khai thác, dự kiến đến năm 2023 triển khai bóc đất XDCB và khai thác quặng.

### **4. Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico**

4.1. Mỏ sắt Kíp Tước: Trữ lượng cấp phép khai thác là: 1.301.000 tấn quặng Fe. Tổng trữ lượng tài nguyên địa chất đến 31/12/2020 là: 621.803 tấn quặng Fe, trong đó tổng trữ lượng cấp phép khai thác là 403.000 tấn quặng Fe. Hiện nay, mỏ đang sản xuất theo công suất giấy phép khai thác.

4.2. Mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ: Trữ lượng cấp phép khai thác là: 14.710.502 tấn quặng Fe. Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất đến 31/12/2020 là: 21.726.608 tấn quặng Fe, trong đó trữ lượng trong ranh giới cấp phép khai thác là: 12.923.289 tấn quặng Fe. Hiện nay, mỏ đang xin điều chỉnh Dự án để phù hợp với hiện trạng của mỏ, đồng thời tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư.

### **5. Công ty CP Đất hiếm Lai Châu - Vimico:**

Mỏ đất hiếm Đông Pao: Tổng tài nguyên trữ lượng của khu mỏ là:  $\text{TR}_2\text{O}_3 = 3.863.492$  tấn quặng; Barit = 20.078.991 tấn quặng; Fluorit = 11.196.734 tấn quặng. Trong đó, trữ lượng cấp phép khai thác là:  $\text{TR}_2\text{O}_3 = 1.079.524$  tấn quặng; Barit = 4.211.248 tấn quặng; Fluorit = 6.044.077 tấn quặng.

Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất (theo các Báo cáo thăm dò phê duyệt) đến 30/6/2017 là:  $\text{TR}_2\text{O}_3 = 3.863.492$  tấn quặng; Barit = 20.078.991 tấn quặng; Fluorit =



11.196.734 tấn quặng. Hiện nay, mỏ đang tổ chức triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo giấy phép khai thác mỏ và triển khai XD CB Khu mỏ tuyển số 1.

### **III. Công ty liên kết, đơn vị đầu tư tài chính dài hạn:**

#### **1. CTCP Đá quý và Vàng Hà Nội:**

Mỏ đá quý (ruby – saphir) Đồi Tỳ - Khe Mét: xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An được Bộ TNMT cấp GPKT số 167/GP-BTNMT ngày 19/9/2020 cho Công ty. Thời gian khai thác 5 năm 7 tháng, thời gian xây dựng cơ bản 01 năm. Trữ lượng, tài nguyên là 241,08 kg đá quý, trong đó trữ lượng khai thác 229,03 kg. Tổng vốn đầu tư dự án 24,44 tỷ đồng. Hiện trạng CTCP đang làm thủ tục triển khai XD CB.



**PHỤ LỤC 04: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC ĐƠN VỊ 2017-2020**

TT	Tên đơn vị	Năm 2017				Năm 2018				Năm 2019				Năm 2020				Ghi chú
		Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Cổ tức	Hệ số nợ/	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Cổ tức	Hệ số nợ/	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Cổ tức	Hệ số nợ/	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Cổ tức	Hệ số nợ/	
		(tỷ đồng)	(tỷ đồng)	(%)	VCSH	(tỷ đồng)	(tỷ đồng)	(%)	VCSH	(tỷ đồng)	(tỷ đồng)	(%)	VCSH	(tỷ đồng)	(tỷ đồng)	%	Lần	
					(lần)				(lần)				(lần)					
I	Công ty mẹ - Tổng công ty	5.299	178	6,30	1,07	5.392	91	2,5	1,57	6.059	107	3,0	1,64	5.993	177	6,1%	1,99	
II	Công ty CP chi phối													755	57	14%	0,79	
1	CTCP KLM Thái Nguyên	800	165	85	0,51	851	148	70	0,48	794	95	50	0,45	2.154	72		18,49	
2	CTCP Gang thép Cao Bằng	2.184	2		15,61	1.803	19		15,26	2.370	(133)		91,79	61	2		0,51	
3	CTCP KS & LK Cao Bằng	98	(4)		0,40	103	0,44		0,46	40	(27)		0,39	141	(29,5)		18,13	
4	CTCP Khoáng sản 3-Vimico	169	3		2,46	178	1,84		3,15	116	0,08		3,10	9	(1,8)		0,52	
5	CTCP DL & TM Bằng Giang, Cao Bằng	12	(2)		0,7	14	(0,29)		0,59	17	-		0,51	16			0,42	Đang đầu tư
6	CTCP Đất hiếm Lai Châu - Vimico	-			0,14				0,21	-			0,13	0	0		0,04	
7	CTCP ĐTGT Lào Cai-Vimico	-	0,1				1,0		0,02	-	0,84		0,05					
III	Đơn vị liên kết													6,3	0,15		0,8	
1	CTP Đá quý và Vàng HN	6	0,14	-	0,22	7	0,2		0,26	7	0,22		0,85	789	34		1,66	
2	CTCP Ximang Tân Quang	608	7,1	-	3,16	687	3		2,74	759	26		2,21					



**PHỤ LỤC 05: CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2020	Giá trị thực hiện					Tổng cộng giai đoạn 2021-2025
				2021	2022	2023	2024	2025	
<b>I</b>	<b>SẢN PHẨM CHỦ YẾU</b>								
1	Tinh quặng đồng quy về 25%Cu	Tấn	68.703	67.382	74.077	77.404	77.792	85.787	382.442
2	Đồng tấm Katốt 99,95% Cu	Tấn	13.168	25.000	30.000	30.000	30.000	30.000	145.000
3	Vàng	kg	562,13	882	873	903	913	1.023	4.594
4	Bạc	kg	555,30	995	870	900	910	1.020	4.695
5	Axit sunfuric	Tấn	63.682	125.490	121.600	125.200	125.200	133.300	630.790
	Luyện đồng		45.597	107.890	104.700	108.300	108.300	111.300	540.490
	Thái Nguyên		18.085	17.600	16.900	16.900	16.900	22.000	90.300
6	Tinh quặng sắt 60-65% Fe	Tấn	343.009	376.043	390.426	396.741	353.407	331.742	1.848.359
	- Mô sắt Kíp Tước		62.302	78.925	65.000	65.000	21.666	-	230.591
	- Mô sắt Làng Vinh, Làng Cọ		-	194.778	220.000	220.000	220.000	220.000	1.074.778
	-Mô sắt Nà Lũng		-						
	-TQ sắt xưởng tuyển Nà Rua		172.752						
	- Mô tuyển đồng Sin Quyền		107.955	102.340	105.426	111.742	111.742	111.742	542.992
8	Kẽm thỏi	Tấn	12.200	12.000	12.000	12.000	12.000	15.000	63.000
9	Thiếc thỏi 99,75-99,95%	Tấn	90	130	175	205	235	235	980
10	Phôi thép	Tấn	205.009	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	1.100.000
11	Tinh quặng đất hiếm $\geq 30\%$	Tấn						30.000	30.000
12	Tinh quặng Barit $\geq 90\%$	Tấn						67.500	67.500
13	Tinh quặng Fluorit $\geq 80\%$	Tấn						67.000	67.000
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>6.222.999</b>	<b>8.602.000</b>	<b>8.665.312</b>	<b>8.715.619</b>	<b>8.731.393</b>	<b>9.544.918</b>	<b>43.743.717</b>
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>"</b>	<b>243.087</b>	<b>218.000</b>	<b>185.361</b>	<b>125.422</b>	<b>163.683</b>	<b>654.930</b>	<b>3.015.646</b>



IV	Nộp ngân sách	"	1.034.111	794.242	1.088.482	1.093.124	1.078.678	1.110.387	5.031.508
V	Lao động bình quân	Người	4.310	4.938	5.065	5.160	5.160	5.100	5.085
VI	Tiền lương bình quân	1.000 đ/ng-th	10.447	8.958	9.8961	10.391	10.9101	11.456	10.322
VII	Giá trị đầu tư XD CB	Tr.đ	860.870	1.356.728	438.900	388.214	681.583	987.670	3.853.095



**PHỤ LỤC 06: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Khởi công - Hoàn thành	Quy mô, công suất	TMDT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	<b>TỔNG CỘNG</b>						1.356.727	438.900	388.214	681.583	1.032.670
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN NHÓM A</b>						828.600				
	<i>Cơ quan Văn phòng Tổng công ty</i>										
1	Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ- tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Lào Cai	2009 ÷ 2021	Nâng c/s từ 1,1 tr.T lên 2,5 tr.T quặng nguyên khai	2.564.739	26.500				
	Mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai (Giai đoạn I: 3 vạnT/n)	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Lào Cai	2015 ÷ 2021	20.000T đồng kim loại/năm	3.927.534	802.100				
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN NHÓM B</b>						307.200	169.000	58.950	397.383	721.320
	<i>Cơ quan Văn phòng Tổng công ty</i>										
1	Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Lào Cai	2018 ÷ 2022	350.000T quặng nguyên khai/năm	490.684	154.400	80.000			
2	Phân sâu mỏ đồng Vi Kẽm, xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Lào Cai	2024 ÷ 2028	từ 350.000T lên 500.000T quặng nguyên khai/năm	220.000				1.000	5.000
3	Khai thác phân sâu mỏ đồng Sin Quyền, xã Bản Vược và xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Lào Cai	2022 ÷ 2027	1,15 triệu Tấn quặng nguyên khai/năm	1.608.000	500	7.000	8.000	275.000	506.250
4	Đầu tư thiết bị để duy trì sản xuất - Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Lào Cai	2020-2021	Đầu tư 10 xe ô tô 55÷60 tấn	150.545	150.445				
4	Khai thác mỏ đồng Lũng	Tổng công ty	Lào	2024	0,5 triệu Tấn	512.000				1.000	50.000



	Thàng, xã Bàn Qua, huyện Bát Xát	Khoáng sản - TKV	Cai	÷ 2028	quặng nguyên khai/năm						
5	Văn phòng làm việc và nhà ở CB CNV Tổng công ty Khoáng sản - Vinaco min	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Hà Nội	2023 ÷ 2026		300.000			1.000	2.000	10.000
6	Tòa nhà hỗn hợp VP và thương mại	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Hà Nội	2024÷ 2026		300.000				1.000	2.000
<b>Công ty CP KLM Thái Nguyên - VIMICO</b>											
7	Dự án cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy kẽm điện phân	Công ty CP KLMTN - Vimico	Thái Nguyên	2010 ÷ 2021	15.000 tấn kẽm thỏi/năm	313.633	200				
<b>Công ty CP Gang thép Cao Bằng</b>											
8	Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng - Tổng công ty Khoáng sản- Vinacomin đạt 350.000 tấn/năm	Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	2013 ÷ 2022	350.000 tấn/năm	555.682		65.000			
<b>Công ty CP Đất hiếm Lai Châu - VIMICO</b>											
9	Dự án đầu tư XDCT khai thác, chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao - Tam Đường - Lai Châu (Phần mỏ tuyển)	Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico	Lai Châu	2015 ÷ 2026	Công suất nhà máy tuyển 75.700 tấn/năm	764.952	1.455	12.000	49.950	58.241	118.070
<b>Công ty CP Khoáng sản 3 - VIMICO</b>											
10	Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh xã Võ Lao, Làng Cọ xã Văn Sơn, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	Công ty CP Khoáng sản 3-Vimco	Lào Cai	2015 ÷ 2022	220.000 tấn tinh quặng/năm	146.151	200	5.000		59.142	30.000
C	CÁC DỰ ÁN NHÓM C						220.927	269.900	329.264	284.200	311.350



PHỤ LỤC 07: KẾ HOẠCH KHẢO SÁT, THẨM ĐÒ GIAI ĐOẠN 2021-2025

PHỤ LỤC 07: KẾ HOẠCH KHAO SÁT, THAM DÒ GIAI ĐOẠN 2021-2025																	
	Tên Đề án/ Phương án - Khu vực thẩm dò	Nhiệm vụ, mục tiêu	Tổng Đề án/PA		KH năm 2021		KH năm 2022		KH năm 2023		KH năm 2024		KH năm 2025		Tổng cộng 2021-2025		
			Khối lượng (mk)	Giá trị (tr.đồng)	Khối lượng (mk)	Giá trị (tr.đồng)	Khối lượng (mk)	Giá trị (tr.đồng)	Khối lượng (mk)	Giá trị (tr.đồng)	Khối lượng (mk)	Giá trị (tr.đồng)	Khối lượng (mk)	Giá trị (tr.đồng)	Khối lượng (mk)	Giá trị (tr.đồng)	
	Tổng cộng (A+B)		102.675	492.783	4.265	20.795	26.925	128.460	36.135	163.493	27.900	135.950	7.450	44.085	102.675	492.783	
A	Các Đề án thẩm dò		99.975	480.078	4.265	20.335	26.125	125.050	35.635	160.193	27.000	132.750	6.950	41.750	99.975	480.078	
I	Khảo sát, đánh giá (Cu)		65.975	412.078	4.265	20.335	18.125	109.050	19.635	129.693	18.000	113.500	5.950	39.500	65.975	412.078	
1	Đề án thẩm dò NCTL mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai, trong ranh giới giấy phép khai thác số 1868/GP-BTNMT ngày 02/8/2017 của Bộ TNMT	Thăm dò nâng cấp trữ lượng từ cấp 333 lên 122 để bổ sung trữ lượng phục vụ khai thác. Mục tiêu trữ lượng 23.000 tấn Cu	2.180	10.015		10.015									2.180	10.015	
2	Đề án thẩm dò NCTL mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai trong ranh giới GPKT số 1688/GP -BTNMT, ngày 12/7/2017 của Bộ TNMT	Thăm dò nâng cấp trữ lượng từ cấp 333 lên 122 để bổ sung trữ lượng phục vụ khai thác. Mục tiêu trữ lượng 24.000 tấn Cu.	8.345	38.563	2.085	9.320	4.125	19.050	2.135	10.193					8.345	38.563	
3	Đề án thẩm dò quặng đồng khu Lũng Thàng, Bát Xát, Lào Cai	Khảo sát, đánh giá thăm dò phát triển tài nguyên mỏ mới. Mục tiêu trữ lượng 20.000 tấn Cu.	9.300	57.500				1.000	3.000	22.500	4.500	24.500	1.800	9.500	9.300	57.500	
4	Đề án thẩm dò quặng đồng khu Đồng Nam mỏ đồng Sin Quyền, huyện Bát Xát, Lào Cai	Khảo sát, đánh giá thăm dò phát triển tài nguyên mỏ mới. Mục tiêu trữ lượng 20.000 tấn Cu.	8.150	46.000						1.000	4.000	22.000	4.150	23.000	8.150	46.000	
5	Đề án thẩm dò bổ sung phần sâu toàn mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai	TD BSNCTL các khối tài nguyên phần sâu mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai. Mục tiêu trữ lượng 60.000 tấn Cu	38.000	260.000		1.000	14.000	89.000	14.500	96.000	9.500	67.000		7.000	38.000	260.000	
II	Khảo sát, đánh giá (Zn - Pb)		26.000	52.000	0	0	8.000	16.000	12.000	22.500	5.000	11.250	1.000	2.250	26.000	52.000	
1	Đề án thẩm dò BSNCTL mỏ kẽm chì Chợ Diên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn trong ranh giới GPKT số 340/QĐ/KTM	Thăm dò nâng cấp trữ lượng từ cấp 333 lên 122 để bổ sung trữ lượng phục vụ khai thác. Mục tiêu trữ lượng 45.000 tấn (Zn+Pb).	18.000	34.000			8.000	16.000	10.000	18.000					18.000	34.000	



2	Đề án thăm dò kèm chi khu Đầm Vạn, Bán Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.	Khảo sát, đánh giá thăm dò phát triển tài nguyên mỏ mới. Mục tiêu trữ lượng 16.000 tấn (Zn+Pb).	8.000	18.000					2.000	4.500	5.000	11.250	1.000	2.250	8.000	18.000
			8.000	16.000					4.000	8.000	4.000	8.000			8.000	16.000
III	<b>Khoáng sản thiếc (Sn)</b>															
1	Đề án thăm dò BSNC mỏ thiếc Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới giấy phép khai thác số 1689/GP-BTNMT	Thăm dò nâng cấp trữ lượng từ cấp 333 lên 122 để bổ sung trữ lượng phục vụ khai thác. Mục tiêu trữ lượng 4.100 tấn (Sn + Cu)	8.000	16.000					4.000	8.000	4.000	8.000			8.000	16.000
B	<b>Phương án khảo sát, khoan phục vụ khai thác</b>		2.700	12.705	-	460	800	3.410	500	3.300	900	3.200	500	2.335	2.700	12.705
1	Quan trắc dịch động bờ mỏ và bãi thải mỏ đồng Sin Quyền	Lập phương án, thi công thực địa, lập báo cáo kết quả		4.160		460		900		900		900		1000	0	
2	Đo bổ sung lưới khống chế mỏ Sin Quyền và Vi Kẽm	Lập phương án, thi công thực địa, lập báo cáo kết quả		745				410						335	0	
3	Đo vẽ bản đồ địa hình khu mỏ Sin Quyền và Vi Kẽm	Lập phương án, thi công thực địa, lập báo cáo kết quả		400						400					0	
4	Thành lập bổ sung bản đồ cơ lý đá (Lộ thiên) mỏ đồng, Bát Xát, Lào Cai	Lập phương án, thi công thực địa, lập báo cáo kết quả		1.000						1000					0	
5	Khoan phục vụ khai thác mỏ Vi Kẽm	Lập phương án, thi công thực địa, lập báo cáo kết quả	1.700	3.400			300	600	500	1000	400	800	500	1000	1.700	
6	Khoan phục vụ khai thác mỏ Sin Quyền	Lập phương án, thi công thực địa, lập báo cáo kết quả	1.000	3.000			500	1500			500	1500			1.000	



**PHỤ LỤC 08: MỤC TIÊU VỀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

TT	Đơn vị	KH LĐ và tỷ trọng 2021				KH LĐ và tỷ trọng 2022				KHLĐ và tỷ trọng 2023				KHLĐ và tỷ trọng 2024				KHLĐ và tỷ trọng 2025			
		Tổng số LĐ	CN %	PV,PT %	QL%	Tổng số LĐ	CN %	PVPT %	QL%	Tổng số LĐ	CN %	PVPT %	QL%	Tổng số LĐ	CN %	PVPT %	QL%	Tổng số LĐ	CN %	PVPT %	QL%
		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	11	12	13	14	11	12	13	14
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	11	12	13	14	11	12	13	14
	<b>Tổng số</b>	<b>4.938</b>	<b>62,8</b>	<b>22,7</b>	<b>14,5</b>	<b>5.160</b>	<b>63,2</b>	<b>23,1</b>	<b>13,7</b>	<b>5.300</b>	<b>63,2</b>	<b>23,4</b>	<b>13,4</b>	<b>5.310</b>	<b>63,6</b>	<b>23,2</b>	<b>13,2</b>	<b>5.600</b>	<b>63,9</b>	<b>23,3</b>	<b>12,8</b>
<b>I</b>	<b>Công ty mẹ</b>	<b>2.387</b>	<b>61,4</b>	<b>22,5</b>	<b>16,1</b>	<b>2.537</b>	<b>65,9</b>	<b>24,9</b>	<b>14,6</b>	<b>2.697</b>	<b>69,8</b>	<b>27,4</b>	<b>15,7</b>	<b>2.719</b>	<b>71,0</b>	<b>27,2</b>	<b>15,7</b>	<b>2.719</b>	<b>71,0</b>	<b>27,2</b>	<b>15,7</b>
1	Cơ quan Tổng công ty	128		12,9	87,1	116		12,9	87,1	116		12,9	87,1	116		12,9	87,1	116		12,9	87,1
2	CN Mô tuyến đồng Sin Quyền	1.158	67,0	21,0	12,0	1.320	67,0	22,5	10,5	1.480	66,0	24,0	10,0	1.502	67,0	23,2	9,8	1.502	67,0	23,2	9,8
3	CN Luyện đồng Lào Cai	1.042	63,0	25,2	11,8	1.042	63,0	25,5	11,5	1.042	63,0	25,8	11,2	1.042	63,0	25,8	11,2	1.042	63,0	25,8	11,2
4	CN Đa quý Việt Nhật	59	56,0	27,0	17,0	59	56,0	27,0	17,0	59	56,0	27,0	17,0	59	56,0	27,0	17,0	59	56,0	27,0	17,0
5	TT điều dưỡng SaPa	Đã giao cho Công đoàn quản lý																			
<b>II</b>	<b>Công ty con cổ phần chi phối</b>	<b>2.551</b>	<b>64,1</b>	<b>22,9</b>	<b>13,0</b>	<b>2.623</b>	<b>66,2</b>	<b>23,4</b>	<b>13,2</b>	<b>2.603</b>	<b>66,0</b>	<b>23,0</b>	<b>13,1</b>	<b>2.591</b>	<b>65,8</b>	<b>22,9</b>	<b>12,9</b>	<b>2.881</b>	<b>73,8</b>	<b>25,7</b>	<b>13,5</b>
1	CTCP KLM Thái Nguyên	1.329	64,5	22,0	13,5	1.359	64,7	21,9	13,4	1.345	64,9	21,8	13,3	1.332	65,0	21,8	13,2	1.402	65,3	22,2	12,5
2	CTCP KS&LK Cao Bằng	170	71,3	14,0	14,7	180	71,5	14,0	14,5	176	71,5	14,0	14,5	177	72,0	14,0	14,0	170	72,0	14,0	14,0
3	CTCP Khoáng sản 3	160	63,0	20,6	16,4	192	65,0	21,0	14,0	190	67,0	19,0	14,0	190	68,0	18,5	13,5	190	68,0	18,5	13,5
4	CTCP Đất hiếm Lai Châu	22	-	50,0	50,0	22	-	50,0	50,0	22	-	50,0	50,0	22	-	50,0	50,0	249	63,5	24,5	12,0
6	CTCP Gang thép Cao Bằng	870	64,0	25,8	10,2	870	64,0	25,5	10,5	870	64,0	25,5	10,5	870	64,0	25,5	10,5	870	64,0	25,8	10,2
11	CTCP KS Bằng Giang	Đang thoái vốn				Đã thoái vốn															
12	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai	Đang thoái vốn/giải thể				Đã thoái vốn/giải thể xong															

\* **Đ.T.C.P**